

DANH SÁCH TRIỆU TẬP THÍ SINH DỰ TUYỂN CÔNG CHỨC
Đợt 2, 3 năm 2019 của Tổng cục Quản lý thị trường

STT	STT	Họ và tên đệm	Tên	Giới tính		Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học		
		BÌNH ĐỊNH																	
1	1	Trần Hoàng	Anh	Nam		Kinh	09/7/1991	Hà Nam	Đại học	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
2	2	Đặng Tiểu	Bình	Nam		Kinh	30/3/1987	Bình Định	Thạc sỹ	Khoa học máy tính	Anh B	Đại học		KSVTT	Tiếng Anh		x	Bình Định	
3	3	Phạm Y	Bình		Nữ	Kinh	21/12/1992	Bình Định	Đại học	Tài chính-Ngân Hàng	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
4	4	Nguyễn Thị Hồng	Cầm		Nữ	Kinh	01/8/1990	Bình Định	Đại học	Kế toán	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
5	5	Trương Thị Kim	Chi		Nữ	Kinh	15/5/1990	Bình Định	Đại học	Kế toán	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
6	6	Hà Thị Thanh	Diễm		Nữ	Kinh	01/4/1992	Bình Định	Đại học	Tài chính công và QL thuế; Luật	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
7	7	Nguyễn Thị Thanh	Diễm		Nữ	Kinh	26/9/1989	Bình Định	Đại học	Tài chính-Ngân Hàng	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
8	8	Nguyễn Ngọc	Diệp	Nam		Kinh	20/02/1993	Bình Định	Đại học	Kế toán Doanh nghiệp	Anh B1	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
9	9	Lương Trung	Dũng	Nam		Kinh	13/6/1993	Bình Định	Đại học	Công nghệ sinh học; Luật	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
10	10	Huỳnh Thị Kim	Duyên		Nữ	Kinh	26/9/1997	Bình Định	Đại học	Luật kinh tế	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
11	11	Lê Quang	Đại	Nam		Kinh	20/02/1997	Bình Định	Đại học	Luật	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
12	12	Nguyễn Phúc	Hải	Nam		Kinh	01/7/1983	Bình Định	Thạc sĩ	Hóa phân tích	Đại học	CNTTCB		KSVTT		x		Bình Định	
13	13	Phạm Thị Thúy	Hằng		Nữ	Kinh	15/8/1998	Bình Định	Đại học	Luật học	Toeic	CNTT Nâng cao	Vùng KT-XH khó khăn	KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
14	14	Lê Thị Bích	Hạnh		Nữ	Kinh	16/7/1987	Bình Định	Đại học	Bảo quản chế biến nông sản	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
15	15	Phạm Thị Mỹ	Hạnh		Nữ	Kinh	21/11/1988	Bình Định	Đại học	Kế toán	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
16	16	Lê Trung	Hậu	Nam		Kinh	01/01/1992	Bình Định	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
17	17	Nguyễn Thị Bích	Hậu		Nữ	Kinh	10/10/1995	Bình Định	Đại học	Văn học	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
18	18	Phạm Huỳnh	Hoa		Nữ	Kinh	16/10/1995	Bình Định	Đại học	Kinh tế - Kế hoạch -Đầu tư	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
19	19	Lê Tiến	Hoàng	Nam		Kinh	10/01/1990	Bình Định	Đại học	Tiếng Anh	Đại học	A	Con TB	KSVTT		x		Bình Định	
20	20	Nguyễn Ngọc	Huân	Nam		Kinh	04/8/1988	Bình Định	Đại học	Công nghệ thông tin	Anh B	Đại học		KSVTT	Tiếng Anh		x	Bình Định	
21	21	Trần Trung	Kiên	Nam		Kinh	17/7/1980	Bình Định	Đại học	Công nghệ Hữu cơ - Hóa dầu	Anh B	Kỹ thuật viên		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
22	22	Trần Thị Mỹ	Kiều		Nữ	Kinh	16/4/1998	Bình Định	Đại học	Sư phạm Hóa học	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	

STT	STT	Họ và tên đệm		Giới tính		Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học		
23	23	Huỳnh Thị Thủy	Kiều		Nữ	Kinh	03/3/1998	Bình Định	Đại học	Luật Kinh tế	Anh C	CNTT Nâng cao		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
24	24	Lê Thị Mỹ	Lê		Nữ	Kinh	17/8/1998	Bình Định	Đại học	Luật Hợp đồng	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
25	25	Trịnh Hoàng	Lịch	Nam		Kinh	05/7/1988	Bình Định	Đại học	Luật kinh tế	Anh C CC tiếng BanaKriem	CNTTCB		KSVTT		x		Bình Định	
26	26	Võ Thành	Luân	Nam		Kinh	20/5/1986	Bình Định	Đại học	Xây dựng cầu đường	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
27	27	Trần Tố	Mai		Nữ	Kinh	16/6/1990	Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
28	28	Man Thị Mộng	Mến		Nữ	Kinh	01/6/1994	Bình Định	Đại học	Toán học	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
29	29	Trần Minh	Nguyễn	Nam		Kinh	01/07/1982	Bình Định	Đại học	Kế toán kiểm toán	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
30	30	Huỳnh Thị Hồng	Nhiên		Nữ	Kinh	16/7/1990	Bình Định	Đại học	Quản trị Kinh doanh	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
31	31	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ		Nữ	Kinh	19/7/1994	Bình Định	Đại học	Kế toán	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
32	32	Nguyễn Thị Xuân	Nương		Nữ	Kinh	02/02/1989	Bình Định	Đại học	Công nghệ môi trường	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
33	33	Lý Kiều	Oanh		Nữ	Kinh	07/11/1997	Bình Định	Đại học	Sư phạm Sinh học	Anh A2	CNTTCB	Con TB	KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
34	34	Lê Minh	Phúc	Nam		Kinh	07/10/1978	Thừa Thiên Huế	Đại học	Quản trị Doanh nghiệp	Anh B	Kỹ thuật viên		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
35	35	Huỳnh Ngọc	Quân	Nam		Kinh	21/4/1995	Bình Định	Đại học	Công nghệ môi trường	Anh C	Tin họcA		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
36	36	Trần Ngọc	Sang	Nam		Kinh	12/11/1997	Bình Định	Đại học	Quản lý nhà nước	Anh C	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
37	37	Nguyễn Văn	Sinh	Nam		Kinh	02/11/1988	Bình Định	Đại học	Kế toán	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
38	38	Trần Thị Tuyết	Sương		Nữ	Kinh	01/9/1991	Bình Định	Đại học	Công nghệ thực phẩm	Anh B	Văn phòng		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
39	39	Huỳnh Đông	Thành	Nam		Kinh	15/02/1993	Bình Định	Đại học	Tài chính Doanh nghiệp	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
40	40	Hồ Thị Thanh	Thảo		Nữ	Kinh	02/6/1992	Bình Định	Đại học	Quản trị Kinh doanh	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
41	41	Nguyễn Văn	Thông	Nam		Kinh	20/11/1990	Bình Định	Đại học	Quản trị Kinh doanh	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
42	42	Cao Minh	Thường	Nam		Kinh	01/01/1993	Bình Định	Thạc sỹ	Khoa học máy tính	Anh C	Thạc sỹ		KSVTT	Tiếng Anh		x	Bình Định	
43	43	Nguyễn Thị Thanh	Thúy		Nữ	Kinh	01/10/1988	Bình Định	Đại học	Tiếng Anh	Đại học	A		KSVTT		x		Bình Định	
44	44	Nguyễn Thị	Tinh		Nữ	Kinh	16/9/1976	Bình Định	Thạc sỹ	Công nghệ thông tin (Ths nước ngoài)	-	Thạc sỹ		KSVTT		x	x	Bình Định	
45	45	Lê Thị Thu	Trà		Nữ	Kinh	07/10/1991	Bình Định	Đại học	Luật	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
46	46	Lương Nguyễn Bảo	Trần		Nữ	Kinh	04/10/1996	Bình Định	Đại học	Quản lý giáo dục	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
47	47	Nguyễn Thị Thùy	Trang		Nữ	Kinh	13/01/1990	Bình Định	Đại học	Kế toán	Anh C	B	Con TB	KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
48	48	Phan Trường	Trình	Nam		Kinh	18/6/1992	Quảng Nam	Đại học	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	Anh B	B	Con TB	KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	

STT	STT	Họ và tên đệm		Giới tính		Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học		
49	49	Lê Quốc	Truyền	Nam		Kinh	02/10/1983	Bình Định	Đại học	Luật Kinh tế	Anh B	Trung cấp		KSVTT	Tiếng Anh		x	Bình Định	
50	50	Võ Thị Hồng	Tuyền		Nữ	Kinh	04/9/1996	Bình Định	Đại học	Luật dân sự	Anh bậc 3	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
51	51	Đặng Thị Ngọc	Tuyết		Nữ	Kinh	30/9/1984	Bình Định	Đại học	Kế toán	Anh B	Kỹ thuật viên		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
52	52	Đình Văn	Uím	Nam		H're	18/02/1989	Bình Định	Đại học	Kinh tế TN-MT	Anh B	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Bình Định	
53	53	Võ Vũ	Vương	Nam		Kinh	22/02/1992	Bình Định	Đại học	Quản trị Kinh doanh	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
54	54	Trần Thảo	Vy		Nữ	Kinh	19/6/1995	Bình Định	Thạc sỹ	Văn học Việt Nam	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
55	55	Nguyễn Văn	Xong	Nam		Kinh	20/02/1992	Bình Định	Đại học	Thanh tra	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
56	56	Trương Thị Hòa	Xuân		Nữ	Kinh	27/02/1987	Bình Định	Đại học	Kế toán	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
57	57	Nguyễn Thị Ngọc	Xuyến		Nữ	Kinh	24/8/1989	Bình Định	Thạc sỹ	Kế toán	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Định	
		ĐÀ NẴNG																	
58	1	Nguyễn Thị Phương	Anh		Nữ	Kinh	19/5/1998	Bắc Giang	Đại học	Luật	Anh B2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
59	2	Nguyễn Đức	Bình	Nam		Kinh	30/5/1993	Bắc Ninh	Đại học	Kinh tế (TN ở nước ngoài)		CNTTCB		KSVTT		x		TP Đà Nẵng	
60	3	Trần Thị Kim	Châu		Nữ	Kinh	10/6/1993	Bình Định	Đại học	Tài chính Ngân hàng	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
61	4	Nguyễn Thị	Dậm		Nữ	Kinh	24/01/1994	Thừa Thiên Huế	Thạc sĩ	Triết học	Tiếng Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
62	5	Nguyễn Thị	Diễm		Nữ	Kinh	06/7/1996	Quảng Bình	Đại học	Luật	Anh C	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
63	6	Nguyễn Phương	Dung		Nữ	Kinh	30/3/1997	Quảng Nam	Đại học	Luật	Toeic 545	Văn phòng		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
64	7	Trần Thị Thủy	Dung		Nữ	Kinh	01/01/1988	Quảng Nam	Đại học	Hành chính học	Anh C	A		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
65	8	Phan Quang	Đặng	Nam		Kinh	08/02/1990	Quảng Bình	Thạc sĩ	Quản lý đất đai	Anh B2	CNTTCB	Con TB	KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
66	9	Dương Quốc	Đông	Nam		Kinh	07/02/1985	Đà Nẵng	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	Trung cấp		KSVTT	Tiếng Anh		x	TP Đà Nẵng	
67	10	Hoàng Châu	Đông	Nam		Kinh	25/02/1992	Quảng Nam	Đại học	Luật Kinh tế	Đại học	Kỹ thuật viên		KSVTT		x		TP Đà Nẵng	
68	11	Nguyễn Đức	Hải	Nam		Kinh	14/8/1991	Đà Nẵng	Đại học	Quản lý nhà nước	Anh C	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
69	12	Đỗ Nguyễn Đăng	Hải	Nam		Kinh	23/11/1988	Thừa Thiên Huế	Đại học	Kế toán doanh nghiệp	Anh B	Kỹ thuật viên		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
70	13	Lê Thị Thu	Hằng		Nữ	Kinh	11/11/1997	Quảng Nam	Đại học	Chính trị học - Chính trị Việt Nam	B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
71	14	Nguyễn Thị Mai	Hằng		Nữ	Kinh	06/03/1988	Quảng Bình	Đại học	Quản trị kinh doanh	A2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
72	15	Tạ Quang	Hậu	Nam		Kinh	29/9/1983	Nghệ An	Đại học	Kinh tế TM Quốc tế (TN tại nước ngoài)	Anh B	CNTTCB		KSVTT		x		TP Đà Nẵng	
73	16	Trần Thư	Hoàn		Nữ	Kinh	26/11/1992	Đà Nẵng	Đại học	Kế toán	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	

STT	STT	Họ và tên đệm		Giới tính		Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học		
74	17	Nguyễn Bá	Hoàng	Nam		Kinh	01/01/1994	Hà Nội	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh tương đương B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
75	18	Lưu Quốc	Học	Nam		Kinh	02/01/1989	Quảng Nam	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
76	19	Hoàng Thị Thu	Hồng		Nữ	Kinh	12/3/1996	Quảng Nam	Đại học	Kinh tế đầu tư	Gấy xác nhận B1	CNIT Nâng cao	Con TB	KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
77	20	Huỳnh Thị Thanh	Hồng		Nữ	Kinh	14/3/1982	Đà Nẵng	Đại học	Kế toán	Anh C	Bảng nghề CNTT		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
78	21	Nguyễn	Hùng	Nam		Kinh	31/07/1978	Đà Nẵng	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
79	22	Trần Nguyễn	Hùng	Nam		Kinh	14/7/1995	Quảng Nam	Đại học	Kiểm toán	Toeic	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
80	23	Trần Nguyễn Minh	Khánh		Nữ	Kinh	15/12/1983	Quảng Nam	Đại học	Kế toán	Anh B	Trung cấp		KSVTT	Tiếng Anh		x	TP Đà Nẵng	
81	24	Nguyễn Minh	Khôi	Nam		Kinh	27/8/1993	Hà Nội	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
82	25	Trương Thị Huyền	Linh		Nữ	Kinh	03/01/1990	Quảng Bình	Đại học	Quản lý đất đai	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
83	26	Nguyễn Thị Hồng	Loan		Nữ	Kinh	02/6/1998	Hà Tĩnh	Đại học	Luật Kinh tế	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
84	27	Trịnh Thanh	Mai		Nữ	Kinh	12/02/1990	Thanh Hóa	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Anh C	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
85	28	Bùi Thị	Mận		Nữ	Kinh	11/10/1981	Phú Yên	Đại học	Tài chính	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
86	29	Lê Đức	Mạnh	Nam		Kinh	29/3/1996	Hà Tĩnh	Đại học	Luật	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
87	30	Kiều Trung	Nghĩa	Nam		Kinh	31/3/1986	Quảng Nam	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	Trung cấp		KSVTT	Tiếng Anh		x	TP Đà Nẵng	
88	31	Vũ Thị Hồng	Ngọc		Nữ	Kinh	24/01/1993	Ninh Bình	Đại học	Kế toán	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
89	32	Trần Thị Hồng	Ngọc		Nữ	Kinh	26/6/1991	Quảng Nam	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
90	33	Lương Thị Thảo	Nguyễn		Nữ	Kinh	20/5/1993	Quảng Nam	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	B		KSVTT		x		TP Đà Nẵng	
91	34	Đặng Lê	Nguyễn	Nam		Kinh	25/8/1990	Đà Nẵng	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
92	35	Võ Đình	Nhuận	Nam		Kinh	17/11/1997	Quảng Trị	Đại học	Kiểm toán	Toeic 430	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
93	36	Hồ Đức	Phú	Nam		Kinh	10/10/1994	Thừa Thiên Huế	Đại học	Kế toán	Anh C	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
94	37	Ngô Thị Minh	Phương		Nữ	Kinh	31/3/1985	Quảng Nam	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh	C	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
95	38	Lê Thị Lan	Phương		Nữ	Kinh	28/3/1992	Thanh Hóa	Thạc sĩ	Luật	Anh C	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
96	39	Nguyễn Thị Linh	Phương		Nữ	Kinh	20/5/1986	Thừa Thiên Huế	Thạc sĩ	Ngôn ngữ học	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
97	40	Đặng Văn	Quân	Nam		Kinh	06/11/1994	Hà Tĩnh	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	Cam kết		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
98	41	Nguyễn Minh	Quốc	Nam		Kinh	10/7/1991	Quảng Nam	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh C	B	Công an xuất ngũ	KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
99	42	Dương Hiền	Son	Nam		Kinh	28/01/1988	Quảng Nam	Đại học	Kế toán doanh nghiệp	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	

STT	STT	Họ và tên đệm	Tên	Giới tính		Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học		
100	43	Hoàng Thanh	Son	Nam		Kinh	07/02/1996	Hà Nội	Đại học	Lịch sử thế giới	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
101	44	Đặng Bá	Thanh	Nam		Kinh	18/05/1984	Quảng Trị	Đại học	Luật kinh tế	Anh C	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
102	45	Trương Hải	Thanh		Nữ	Kinh	21/3/1993	Đà Nẵng	Đại học	Luật	Anh C	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
103	46	Nguyễn Việt	Thành	Nam		Kinh	17/05/1991	Quảng Nam	Đại học	Luật kinh tế	Anh C	Cao đẳng quản trị mạng	Con của người được hưởng chính sách như Thương binh	KSVTT	Tiếng Anh		x	TP Đà Nẵng	
104	47	Nguyễn Phước	Thiện	Nam		Kinh	30/5/1992	Đà Nẵng	Đại học	Kế toán	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
105	48	Cù Duy	Thịnh	Nam		Kinh	07/08/1988	Quảng Nam	Đại học	Môi trường, Luật	Anh B	Văn phòng B		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
106	49	Huỳnh Ngọc	Tú	Nam		Kinh	16/3/1991	Quảng Nam	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
107	50	Ngô Đức	Tú	Nam		Kinh	12/7/1994	Quảng Nam	Đại học	Luật dân sự	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
108	51	Lê Thị Huỳnh	Vy		Nữ	Kinh	17/4/1998	Quảng Nam	Đại học	Luật Dân sự	B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
109	52	Trần Thị Khánh	Vy		Nữ	Kinh	10/01/1998	Quảng Nam	Đại học	Kinh tế phát triển	B	CNTT Năng cao		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
110	53	Lê Hoàng	Xuân		Nữ	Kinh	18/3/1996	Thanh Hóa	Đại học	Luật	Anh B	IC3		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
111	54	Vô Thị Thanh	Xuân		Nữ	Kinh	10/12/1991	Nghệ An	Đại học	Luật học	Anh B1	CNTTCB	Con TB (4/4)	KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
112	55	Trương Thị Bích	Lợi		Nữ	Kinh	01/9/1987	Quảng Nam	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh B	Kỹ thuật viên		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
113	56	Trần Võ Như	Ý	Nam		Kinh	20/12/1995	Đà Nẵng	Thạc sĩ	Luật kinh tế	Anh B1	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
114	57	Nguyễn Thị Hoàng	Yến		Nữ	Kinh	08/5/1991	Thanh Hóa	Đại học	Kinh tế phát triển	Anh C	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP Đà Nẵng	
		ĐẮK NÔNG																	
115	1	Trịnh Tuấn	Anh	Nam		Kinh	18/7/1991	Nghệ An	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Đắk Nông	
116	2	Lê Thị Thu	Hiền		Nữ	Kinh	12/6/1993	Hà Tĩnh	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Anh B1	B		KSVTT	Tiếng Anh			Đắk Nông	
117	3	Vô Thị Diệu	Hương		Nữ	Kinh	16/01/1997	Quảng Bình	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Đắk Nông	
118	4	Hoàng Thị	Huyền		Nữ	Kinh	21/7/1988	Hà Tĩnh	Thạc sĩ	Kinh tế	Anh B	Sơ cấp nghề		KSVTT	Tiếng Anh			Đắk Nông	
119	5	Nguyễn Quang	Lộc	Nam		Kinh	28/4/1992	Hà Tĩnh	Đại học	Công nghệ thông tin	Anh C	Đại học	Con TB	KSVTT	Tiếng Anh		x	Đắk Nông	
120	6	Lại Thị Mỹ	Thành		Nữ	Kinh	09/9/1993	Thái Bình	Đại học	Luật	Anh C; CC tiếng M'Nông	CNTTCB		KSVTT		x		Đắk Nông	
121	7	Nguyễn Thị Thanh	Thúy		Nữ	Kinh	27/11/1995	Hà Tĩnh	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Đắk Nông	
122	8	Hoàng Thị Thu	Thúy		Nữ	Tây	03/8/1996	Lạng Sơn	Đại học	Luật	TOEIC 505	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Đắk Nông	
123	9	Nguyễn Văn	Trí	Nam		Kinh	25/3/1998	Hà Tĩnh	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Đắk Nông	

STT	STT	Họ và tên đệm		Giới tính		Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học		
124	10	Nguyễn Hoài Phương	Trình		Nữ	Kinh	01/01/1995	Quảng Trị	Đại học	Kế toán	TOEIC 530	B		KSVTT	Tiếng Anh			Đắk Nông	
125	11	Tạ Quốc	Trọng	Nam		Kinh	04/01/1995	Nghệ An	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Đắk Nông	
126	12	Nguyễn Thanh	Tuấn	Nam		Kinh	06/4/1985	Thừa Thiên Huế	Đại học	Tin học	Anh B	Đại học		KSVTT	Tiếng Anh		x	Đắk Nông	
		GIA LAI																	
127	1	Hoàng Lan	Anh		Nữ	Kinh	22/4/1991	Quảng Ngãi	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh (TN nước ngoài)	Anh IELTS	CNTTCB		KSVTT		x		Gia Lai	
128	2	Đỗ Hoàng	Anh	Nam		Kinh	17/3/1985	Hải Dương	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh B CC tiếng Jrai	B	Có tg trong CAND	KSVTT		x		Gia Lai	
129	3	Trần Trọng	Bằng	Nam		Kinh	13/10/1987	Nam Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Đại học	B		KSVTT		x		Gia Lai	
130	4	Khổng Long	Biên	Nam		Kinh	29/8/1979	Vĩnh Phúc	Đại học	Luật kinh tế	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Gia Lai	
131	5	Phạm Thị Kiều	Diễm		Nữ	Kinh	02/09/1992	Bình Định	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Gia Lai	
132	6	Lê Huy	Du	Nam		Kinh	10/01/1986	Thanh Hóa	Đại học	Kế toán doanh nghiệp	CC tiếng Jrai	B		KSVTT		x		Gia Lai	
133	7	Vô Thị	Dung		Nữ	Kinh	22/7/1996	Nghệ An	Đại học	Luật	Anh Bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Gia Lai	
134	8	Nguyễn Tấn	Dũng	Nam		Kinh	02/6/1997	Quảng Trị	Đại học	Luật	Anh Bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Gia Lai	
135	9	Thái Tiến	Dũng	Nam		Kinh	01/01/1986	Hà Tĩnh	Đại học	Kế toán	Anh Toeic CC tiếng Jrai	CNTTCB		KSVTT		x		Gia Lai	
136	10	Phạm Thị Ngọc	Duyên		Nữ	Kinh	07/6/1996	Bình Định	Đại học	Luật Kinh tế	Anh B1	Ms Access Nâng cao		KSVTT	Tiếng Anh			Gia Lai	
137	11	Phạm Thị Mỹ	Duyên		Nữ	Kinh	08/3/1997	Thái Bình	Đại học	Kế toán	Anh Toeic	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Gia Lai	
138	12	Cao Minh	Đức	Nam		Kinh	17/11/1987	Quảng Bình	Đại học	Tài chính - Ngân hàng (TN tại nước ngoài))	Anh B	B		KSVTT		x		Gia Lai	
139	13	Nguyễn Hồng	Đức	Nam		Kinh	14/01/1989	Bình Định	Đại học	Luật	Anh B	Đại học		KSVTT	Tiếng Anh		x	Gia Lai	
140	14	Nguyễn Văn	Đức	Nam		Kinh	20/2/1991	Quảng Nam	Đại học	Luật	Anh B CC tiếng Jrai	B		KSVTT		x		Gia Lai	
141	15	Nguyễn Thị	Hải		Nữ	Kinh	08/10/1990	Bình Định	Cao đẳng	Quản trị văn phòng	Anh B	Văn phòng B	Cần sự Văn thư - Lưu trữ	KSVTT	Tiếng Anh			Gia Lai	
142	16	Mai Thị Thủy	Hằng		Nữ	Kinh	17/10/1997	Nghệ An	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Gia Lai	
143	17	Nguyễn Thủy	Hằng		Nữ	Kinh	31/12/1995	Thanh Hóa	Đại học	Luật Kinh tế	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Gia Lai	
144	18	Đặng Thị	Hiền		Nữ	Kinh	02/01/2012	Hà Tĩnh	Cao đẳng	Văn thư lưu trữ	Anh B	A	Cần sự Văn thư - Lưu trữ	KSVTT	Tiếng Anh			Gia Lai	
145	19	Đặng Văn	Hùng	Nam		Kinh	11/10/1982	Hà Tĩnh	Thạc sĩ	Kinh tế	Anh B1	Văn phòng B		KSVTT	Tiếng Anh			Gia Lai	
146	20	Nguyễn Hà	Hưng	Nam		Kinh	17/02/1992	Thanh Hóa	Đại học	Kế toán	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Gia Lai	
147	21	Hà Trọng	Hữu	Nam		Kinh	18/5/1990	Nam Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh Bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Gia Lai	
148	22	Lê Ngọc	Long	Nam		Kinh	15/3/1993	Bình Định	Thạc sĩ	Kinh tế	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Gia Lai	

STT	STT	Họ và tên đệm	Tên	Giới tính		Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học		
149	23	Nguyễn Hiếu	Minh		Nữ	Kinh	18/7/1998	Thanh Hóa	Đại học	Kiểm toán	Anh Bậc 3	CNTT Nâng cao		KSVTT	Tiếng Anh			Gia Lai	
150	24	Nguyễn Phương	Ngân		Nữ	Kinh	19/8/1995	Ninh Bình	Đại học	Kế toán	Anh ToEic	Văn phòng		KSVTT	Tiếng Anh			Gia Lai	
151	25	Nguyễn Hữu	Nghị		Nữ	Kinh	11/9/1979	Nghệ An	Đại học	Kinh tế - Luật	Anh Bậc 2 CC tiếng Jrai	CNTTCB		KSVTT		x		Gia Lai	
152	26	Trần Hữu	Nghiệp	Nam		Kinh	22/10/1985	Bình Định	Đại học	Luật	Anh Ielts	Cao đẳng		KSVTT	Tiếng Anh		x	Gia Lai	
153	27	Lưu Thị Ánh	Ngọc		Nữ	Mường	10/4/1993	Thanh Hóa	Đại học	Luật	Anh C	B		KSVTT		x		Gia Lai	
154	28	Trịnh Thị Huyền	Nhi		Nữ	Kinh	05/8/1997	Thanh Hóa	Đại học	Luật	Anh Toeic	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Gia Lai	
155	29	Phạm Công	Phát	Nam		Kinh	05/11/1975	Quảng Ngãi	Đại học	Luật Kinh tế	Cam kết	A		KSVTT	Tiếng Anh			Gia Lai	
156	30	Trần Thu	Phương		Nữ	Kinh	23/5/1996	Hà Nam	Đại học	Luật kinh tế	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Gia Lai	
157	31	Nguyễn Thị	Phương		Nữ	Kinh	07/7/1993	Hà Nam	Đại học	Luật	Anh B CC tiếng Jrai	CNTTCB		KSVTT		x		Gia Lai	
158	32	Bùi Hồng	Quân	Nam		Kinh	18/12/1996	Nam Định	Đại học	Luật Kinh tế	Anh ToEic	CNTT Nâng cao		KSVTT	Tiếng Anh			Gia Lai	
159	33	Phạm Thị Thu	Quyên		Nữ	Kinh	21/4/1997	Quảng Bình	Đại học	Lưu trữ học	Anh Bậc 2	CNTTCB		Cán sự Văn thư - Lưu trữ	Tiếng Anh			Gia Lai	
160	34	Nguyễn An	Son	Nam		Kinh	14/01/1994	Bình Định	Đại học	Kế toán	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Gia Lai	
161	35	Nguyễn Văn	Thắng	Nam		Kinh	20/11/1982	Vĩnh Phúc	Đại học	Kế toán	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Gia Lai	
162	36	Nguyễn Việt	Thắng	Nam		Kinh	20/7/1995	Nghệ An	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Anh Bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Gia Lai	
163	37	Đinh Thị	Thúy		Nữ	Kinh	12/01/1992	Quảng Bình	Đại học	Kế toán	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Gia Lai	
164	38	Lê Thị Kim	Thúy		Nữ	Kinh	06/12/1994	Quảng Nam	Đại học	Luật Kinh tế	Anh B	Photoshop		KSVTT	Tiếng Anh			Gia Lai	
165	39	Mai Thị Bích	Thúy		Nữ	Kinh	19/01/1995	Nghệ An	Đại học	Luật hình sự	Anh Bậc 3	B		KSVTT	Tiếng Anh			Gia Lai	
166	40	Bùi Thị Thúy	Tiên		Nữ	Kinh	16/7/1998	Hà Nam	Đại học	Luật	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Gia Lai	
167	41	Trần Văn	Tiến	Nam		Kinh	18/3/1985	Quảng Ngãi	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Gia Lai	
168	42	Nguyễn Trung	Tín	Nam		Kinh	16/10/1992	Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh C	A		KSVTT	Tiếng Anh			Gia Lai	
169	43	Võ Ngọc	Tinh	Nam		Kinh	05/5/1985	Quảng Ngãi	Thạc sĩ	Kế toán	Anh B1 CC tiếng Jrai	B		KSVTT		x		Gia Lai	
170	44	Lê Thị Quỳnh	Trang		Nữ	Kinh	02/9/1998	Nghệ An	Đại học	Luật Kinh tế	Anh Toeic	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Gia Lai	
171	45	Nguyễn Thị Thảo	Trang		Nữ	Kinh	29/3/1992	Thái Bình	Đại học	Kế toán	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Gia Lai	
172	46	Huỳnh Đức	Trí	Nam		Kinh	05/4/1989	Quảng Nam	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh (TN tại nước ngoài)	Anh Bậc 4 CC tiếng Jrai	B		KSVTT		x		Gia Lai	
173	47	Nguyễn Đắc	Trung	Nam		Kinh	28/10/1991	Bình Định	Đại học	Kế toán	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Gia Lai	
174	48	Phạm Xuân	Trường	Nam		Kinh	18/4/1987	Bình Định	Đại học	Luật	Anh B	A	Con TB	KSVTT	Tiếng Anh			Gia Lai	

STT	STT	Họ và tên đệm		Giới tính		Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học		
175	49	Vũ Đức	Tuấn	Nam		Kinh	09/7/1989	Hưng Yên	Đại học	Luật	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Gia Lai	
176	50	Đặng Thị Thanh	Tuyền		Nữ	Kinh	19/10/1992	Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Gia Lai	
177	51	Trịnh Đồng	Vĩ	Nam		Kinh	20/01/1986	Quảng Nam	Đại học	Luật Kinh tế	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Gia Lai	
178	52	Lê Thị Thùy	Vy		Nữ	Kinh	28/6/1991	Hà Tĩnh	Thạc sĩ	Kinh tế	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Gia Lai	
179	53	Trần Thị Thảo	Vy		Nữ	Kinh	03/02/1990	Bình Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Gia Lai	
		KON TUM																	
180	1	Võ Trần Tuấn	Anh	Nam		Kinh	27/9/1993	Nghệ An	Kỹ sư	Lâm sinh	Anh B	Văn phòng B		KSVTT	Tiếng Anh			Kon Tum	
181	2	Trần Nguyễn Mỹ	Anh		Nữ	Kinh	7/01/1998	Quảng Ngãi	Đại học	Luật Kinh tế	TOEIC	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Kon Tum	
182	3	Nguyễn Việt	Cường	Nam		Kinh	26/01/1988	Hà Nam	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Kon Tum	
183	4	Lê Trọng	Hiền	Nam		Kinh	02/12/1993	Quảng Ngãi	Đại học	Kế toán	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Kon Tum	
184	5	Giao Thị Hồng	Hiệp		Nữ	Kinh	09/09/1993	Quảng Ngãi	Đại học	Kế toán	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Kon Tum	
185	6	Hà Thị Thanh Minh	Hiếu		Nữ	Kinh	05/9/1989	Hà Tĩnh	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	B	Con TB	KSVTT	Tiếng Anh			Kon Tum	
186	7	Hà Nguyễn Mai	Hoa		Nữ	Kinh	22/02/1998	Quảng Nam	Đại học	Luật học	TOEIC	CNTT Nâng cao		KSVTT	Tiếng Anh			Kon Tum	
187	8	Lê Ngọc	Hóa	Nam		Kinh	16/2/1988	Hà Tĩnh	Đại học	Hành chính học	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Kon Tum	
188	9	Vũ Trọng	Hoàn	Nam		Kinh	21/3/1994	Hải Dương	Đại học	Kế toán	Anh A2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Kon Tum	
189	10	Nguyễn Hoàng Mạnh	Khải	Nam		Kinh	17/11/1985	Kon Tum	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Kon Tum	
190	11	Lê Thị Hồng	Liên		Nữ	Kinh	26/10/1991	Kon Tum	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Kon Tum	
191	12	Nguyễn Tùng	Linh	Nam		Kinh	30/8/1996	Hải Phòng	Đại học	Quản lý nhà nước	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Kon Tum	
192	13	Ngô Văn	Mậu	Nam		Kinh	19/8/1989	Nam Định	Đại học	Kinh tế phát triển	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Kon Tum	
193	14	Nguyễn Đức	Minh	Nam		Kinh	12/9/1990	Thái Bình	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Kon Tum	
194	15	Lê Thảo	Ngọc		Nữ	Kinh	18/7/1995	Quảng Nam	Đại học	Bảo hiểm	Anh C CC tiếng Irai	CNTTCB	Con TB	KSVTT		x		Kon Tum	
195	16	Nguyễn Thị	Phương		Nữ	Kinh	24/6/1985	Quảng Ngãi	Đại học	Luật học	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Kon Tum	
196	17	Hồ Viết	Son	Nam		Kinh	04/5/1982	Phú Yên	Đại học	Ngân hàng thương mại	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Kon Tum	
197	18	Đặng Thị Băng	Tâm		Nữ	Kinh	9/12/1988	Hải Phòng	Đại học	Kế toán	Anh B CC tiếng Bahmar	CNTTCB		KSVTT		x		Kon Tum	
198	19	Nguyễn Văn	Thân	Nam		Kinh	12/10/1993	Thừa Thiên Huế	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Kon Tum	
199	20	Trần Đức	Tuấn	Nam		Kinh	14/3/1987	Bình Định	Đại học	Kế toán	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Kon Tum	

STT	STT	Họ và tên đệm	Tên	Giới tính		Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học		
200	21	Trần Thị Thu	Vân		Nữ	Kinh	24/12/1991	Hà Nam	Đại học	Luật học	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Kon Tum	
201	22	Hà Thị	Vân		Nữ	Kinh	06/06/1982	Hà Tĩnh	Đại học	Kế toán	Anh B	A	Con TB	KSVTT	Tiếng Anh			Kon Tum	
		KHÁNH HÒA																	
202	1	Trần Tuấn Duy	An	Nam		Kinh	04/7/1994	Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Khánh Hòa	
203	2	Đào Duy	Ấn	Nam		Kinh	15/9/1991	Quảng Ngãi	Đại học	Quản trị kinh doanh	TOEIC-595	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Khánh Hòa	
204	3	Nguyễn Thủy	Dung		Nữ	Kinh	30/6/1993	Hà Nam	Đại học	Luật	TOEIC-880	CNTTCB	Con người nhiễm CĐHH	KSVTT	Tiếng Anh			Khánh Hòa	
205	4	Nguyễn Võ Mỹ	Dung		Nữ	Kinh	08/3/1995	Khánh Hòa	Đại học	Kinh tế nông lâm	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Khánh Hòa	
206	5	Trần Tuấn	Dũng	Nam		Kinh	11/01/1983	Nam Định	Đại học	Kế toán	Anh B	CNIT Nâng cao		KSVTT	Tiếng Anh			Khánh Hòa	
207	6	Nguyễn Thành	Đạt	Nam		Kinh	22/01/1990	Khánh Hòa	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Khánh Hòa	
208	7	Nông Thị Thu	Giang		Nữ	Tây	22/10/1993	Lạng Sơn	Đại học	Luật	Anh B1	B	Người DT	KSVTT		x		Khánh Hòa	
209	8	Vũ Đức	Hà	Nam		Kinh	17/12/1988	Nam Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Khánh Hòa	
210	9	Đặng Hoàng Thái	Hiền		Nữ	Kinh	20/6/1994	Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Khánh Hòa	
211	10	Lê Xuân	Hùng	Nam		Kinh	26/3/1991	Khánh Hòa	Đại học	Luật Kinh tế	Anh B	CNTTCB	Con TB	KSVTT	Tiếng Anh			Khánh Hòa	
212	11	Lê Công	Hưng	Nam		Kinh	04/11/1996	Ninh Bình	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Khánh Hòa	
213	12	Lưu Hồng	Linh		Nữ	Kinh	15/9/1996	Hà Nội	Đại học	Quản lý nhà nước (Thanh tra)	Anh B1	IC3		KSVTT	Tiếng Anh			Khánh Hòa	
214	13	Ngô Văn	Nam	Nam		Kinh	12/12/1996	Hà Nội	Đại học	Luật	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Khánh Hòa	
215	14	Nguyễn Đình Minh	Khánh		Nữ	Kinh	15/8/1992	Quảng Bình	Đại học	Luật Kinh tế	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Khánh Hòa	
216	15	Nguyễn Ngọc Mỹ	Linh		Nữ	Kinh	03/4/1998	Khánh Hòa	Đại học	Luật	TOEIC-695	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Khánh Hòa	
217	16	Bùi Trịnh Bá	Luân	Nam		Kinh	11/10/1990	Phú Yên	Đại học	Kế toán	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Khánh Hòa	
218	17	Phan Tấn	Lý	Nam		Kinh	26/9/1993	Quảng Ngãi	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Khánh Hòa	
219	18	Võ Văn	Minh	Nam		Kinh	07/12/1988	Quảng Ngãi	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Khánh Hòa	
220	19	Trần Tấn	Phú	Nam		Kinh	08/6/1984	Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Khánh Hòa	
221	20	Mai Văn	Son	Nam		Kinh	13/01/1991	Thái Bình	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh C	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Khánh Hòa	
222	21	Nguyễn Thị Phương	Thảo		Nữ	Kinh	29/01/1986	Quảng Nam	Đại học	Kế toán	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Khánh Hòa	
223	22	Phan Tại	Thiện	Nam		Kinh	25/6/1982	Khánh Hòa	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	Anh B	Thạc sĩ	Chuyên viên CNTT	KSVTT	Tiếng Anh		x	Khánh Hòa	
224	23	Nguyễn Trần Ngọc	Thư		Nữ	Kinh	23/8/1991	Bình Định	Đại học	Kế toán	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Khánh Hòa	

STT	STT	Họ và tên đệm		Giới tính		Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học		
225	24	Huỳnh Kim	Toàn	Nam		Kinh	18/11/1989	Khánh Hòa	Đại học	Luật Kinh tế	Anh B	Đại học		KSVTT	Tiếng Anh		x	Khánh Hòa	
226	25	Huỳnh Minh	Toàn	Nam		Kinh	27/6/1992	Khánh Hòa	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Anh B1	A		KSVTT	Tiếng Anh			Khánh Hòa	
227	26	Nguyễn Hoàng	Tuân	Nam		Kinh	14/3/1990	Quảng Bình	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh C	Kỹ thuật viên		KSVTT	Tiếng Anh			Khánh Hòa	
228	27	Phạm Thị Lệ	Tuyền		Nữ	Kinh	17/3/1989	Khánh Hòa	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh B	Kỹ thuật viên		KSVTT	Tiếng Anh			Khánh Hòa	
229	28	Trần Quốc	Vương	Nam		Kinh	09/6/1995	Hưng Yên	Đại học	Kinh tế	TOEIC 390	IC3		KSVTT	Tiếng Anh			Khánh Hòa	
		LÂM ĐỒNG																	
230	1	Mai Văn	Diêu	Nam		Kinh	05/4/1986	Nam Định	Đại học	Kế toán	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Lâm Đồng	
231	2	Nguyễn Văn	Đạt	Nam		Kinh	06/9/1997	Nghệ An	Đại học	Luật	Anh Bậc 3	CNTTCB	Con TB	KSVTT	Tiếng Anh			Lâm Đồng	
232	3	Lê Thị	Hằng		Nữ	Kinh	08/8/1981	Hà Nội	Đại học	Tài chính kế toán	Anh A2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Lâm Đồng	
233	4	Lý Thị Thu	Hằng		Nữ	Kinh	03/02/1993	Hà Nội	Đại học	Kế toán	Toeic 625	A		KSVTT	Tiếng Anh			Lâm Đồng	
234	5	Lê Đình	Hùng	Nam		Kinh	27/11/1991	Nghệ An	Đại học	Kế toán	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Lâm Đồng	
235	6	Phạm Đăng	Hùng	Nam		Kinh	12/01/1990	Hải Phòng	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh Bậc 2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Lâm Đồng	
236	7	Hoàng Thị	Huyền		Nữ	Kinh	10/6/1983	Thanh Hóa	Đại học	Luật học	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Lâm Đồng	
237	8	Phan Thanh	Lâm	Nam		Kinh	19/10/1980	Bình Định	Đại học	Tin học	Anh B	Đại học		KSVTT	Tiếng Anh		x	Lâm Đồng	
238	9	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc		Nữ	Kinh	26/3/1996	Phú Yên	Đại học	Luật	Anh Bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Lâm Đồng	
239	10	Nguyễn Văn	Nhớ	Nam		Kinh	15/7/1987	Nghệ An	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Lâm Đồng	
240	11	Lê Vũ	Phong	Nam		Kinh	10/8/1992	Nghệ An	Đại học	Luật kinh tế	Anh B	CNTT Nâng cao		KSVTT	Tiếng Anh			Lâm Đồng	
241	12	Phạm Quang	Tiến	Nam		Kinh	08/01/1986	Hà Nội	Đại học	Luật	Anh B	B	Quản nhân CN phục viên	KSVTT	Tiếng Anh			Lâm Đồng	
242	13	Nguyễn Đức	Trọng	Nam		Kinh	27/01/1992	Hà Nội	Đại học	Luật	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Lâm Đồng	
243	14	Trần Quốc	Tuấn	Nam		Kinh	01/5/1995	Hà Tĩnh	Đại học	Luật	Anh Bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Lâm Đồng	
244	15	Phạm Bách	Tùng	Nam		Kinh	04/12/1995	Hưng Yên	Đại học	Luật	Anh Bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Lâm Đồng	
		NINH THUẬN																	
245	1	Mai Nữ Kim	Bích		Nữ	Chăm	21/8/1996	Bình Thuận	Đại học	Luật	TOEIC 450	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Ninh Thuận	
246	2	Đặng Thanh	Bình	Nam		Kinh	22/3/1993	Ninh Thuận	Đại học	Luật	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Thuận	
247	3	Phạm Thanh	Chương	Nam		Kinh	14/7/1991	Ninh Thuận	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Thuận	
248	4	Nguyễn Đức	Cường	Nam		Kinh	01/11/1979	Thanh Hóa	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh Bậc 2	A		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Thuận	

STT	STT	Họ và tên đệm		Giới tính		Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học		
249	5	Nại Thị Ngọc	Diễm		Nữ	Chăm	05/7/1991	Ninh Thuận	Đại học	Kế toán	Anh B	B	Người DT	Chuyên viên Kế toán - Tổng hợp		x		Ninh Thuận	
250	6	Trần Thị Tuấn	Hiếu		Nữ	Kinh	24/10/1994	Hà Tĩnh	Đại học	Luật	Anh Bậc 3	CNTTCB	Con TB	KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Thuận	
251	7	Nguyễn Thị	Hường		Nữ	Kinh	27/12/1995	Bắc Giang	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Thuận	
252	8	Phạm Quốc	Huy	Nam		Kinh	01/01/1991	Ninh Thuận	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Thuận	
253	9	Trần Văn	Khoa	Nam		Kinh	06/7/1985	Nghệ An	Đại học	Luật	Anh B; CC tiếng Jrai	B		KSVTT		x		Ninh Thuận	
254	10	Nguyễn Thị Kim	Khanh		Nữ	Chăm	17/6/1991	Ninh Thuận	Đại học	Luật	Anh B	A	Người DT	KSVTT		x		Ninh Thuận	
255	11	Phạm Thị Minh	Khánh		Nữ	Kinh	03/5/1994	Hải Phòng	Đại học	Luật kinh tế	Anh B1	B		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Thuận	
256	12	Ngô Trần Duy	Khuong	Nam		Kinh	29/5/1995	Ninh Thuận	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh C	A		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Thuận	
257	13	Quảng Đại Khánh	Kỳ	Nam		Chăm	02/3/1981	Ninh Thuận	Thạc sĩ	Kinh tế	Anh B1	Văn phòng	Người DT	KSVTT		x		Ninh Thuận	
258	14	Huỳnh Duy	Mân	Nam		Kinh	21/10/1991	Ninh Thuận	Đại học	Luật	Anh B	Cao đẳng		KSVTT	Tiếng Anh		x	Ninh Thuận	
259	15	Võ Thị Kim	Mi		Nữ	Kinh	19/9/1996	Ninh Thuận	Đại học	Luật	Anh Bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Thuận	
260	16	Trần Quang	Minh	Nam		Kinh	25/01/1982	Quảng Nam	Đại học	Luật	Anh B	B	Con TB	KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Thuận	
261	17	Nguyễn Thị Thái	Ngân		Nữ	Kinh	08/7/1991	Ninh Thuận	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Thuận	
262	18	Trần Trọng	Nhân	Nam		Kinh	25/9/1998	Ninh Thuận	Đại học	Kế toán	TOEIC 490	CNTTCB		Chuyên viên Kế toán - Tổng hợp	Tiếng Anh			Ninh Thuận	
263	19	Lưu Tấn	Phổ	Nam		Chăm	28/10/1993	Ninh Thuận	Đại học	Luật kinh tế	Anh Bậc 3	B	Người DT	KSVTT		x		Ninh Thuận	
264	20	Phạm Thị Tú	Quyên		Nữ	Kinh	09/9/1991	Nam Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	TN ở nước ngoài	B		KSVTT		x		Ninh Thuận	
265	21	Lê Hồng	Tuân	Nam		Kinh	02/10/1983	Hà Nội	Thạc sỹ	Quản lý kinh tế	Anh TOEIC	Đại học		KSVTT	Tiếng Anh		x	Ninh Thuận	
266	22	Nguyễn Văn	Thức	Nam		Kinh	08/4/1986	Thanh Hóa	Đại học	Luật	Anh A2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Thuận	
267	23	Phạm Võ Huyền	Trần		Nữ	Kinh	05/6/1997	Ninh Thuận	Đại học	Luật kinh tế	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Thuận	
268	24	Nguyễn Trà Nguyễn	Trần		Nữ	Kinh	27/6/1992	Ninh Thuận	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Thuận	
269	25	Nguyễn Thị Hà	Trang		Nữ	Kinh	29/5/1993	Nam Định	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Thuận	
270	26	Nguyễn Lê Hoàng	Yến		Nữ	Kinh	06/11/1986	Ninh Thuận	Đại học	Luật kinh tế	Anh A2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Ninh Thuận	
		PHÚ YÊN																	
271	1	Lưu Thị Tuyết	Anh		Nữ	Kinh	20/5/1994	Phú Yên	Đại học	Luật Kinh tế	Anh B	Ứng dụng cơ bản		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
272	2	Hà Long	Bửu	Nam		Kinh	19/10/1984	Phú Yên	Đại học	Kinh tế Luật	Anh B CC tiếng Ê đê	B		KSVTT		x		Phú Yên	
273	3	Nguyễn Thị Trúc	Chi		Nữ	Kinh	15/01/1991	Phú Yên	Đại học	Kế toán	Anh C	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	

STT	STT	Họ và tên đệm		Giới tính		Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học		
274	4	Nguyễn Thị Bảo	Chi		Nữ	Kinh	12/02/1997	Phú Yên	Đại học	Luật	Anh bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
275	5	Trần Thị Mỹ	Chi		Nữ	Kinh	15/5/1989	Phú Yên	Đại học	Tài chính	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
276	6	Nguyễn Thị Ngọc	Dân		Nữ	Kinh	01/12/1993	Phú Yên	Đại học	Công nghệ thực phẩm	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
277	7	Lê Kiều	Diễm		Nữ	Kinh	27/3/1994	Phú Yên	Đại học	Công nghệ thực phẩm	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
278	8	Châu Tấn	Dinh	Nam		Kinh	23/3/1993	Phú Yên	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Anh B1	B		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
279	9	Ngô Công	Dũng	Nam		Kinh	25/6/1977	Quảng Nam	Đại học	Kế toán	Anh C CC tiếng Ê đê	B		KSVTT		x		Phú Yên	
280	10	Huỳnh Anh	Đức	Nam		Kinh	21/10/1997	Phú Yên	Đại học	Luật hình sự	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
281	11	Nguyễn Thành	Giang	Nam		Kinh	06/7/1993	Phú Yên	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
282	12	Trương Hà	Giang		Nữ	Kinh	25/12/1992	Phú Yên	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
283	13	Nguyễn Đông	Hà	Nam		Kinh	30/6/1986	Phú Yên	Đại học	Công nghệ thông tin	Anh B	Đại học		Chuyên viên CNTT	Tiếng Anh		x	Phú Yên	
284	14	Phạm Thị Thu	Hằng		Nữ	Kinh	22/12/1989	Phú Yên	Đại học	Quản trị kinh doanh (ngoại thương)	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
285	15	Chu Thị Minh	Hằng		Nữ	Kinh	17/5/1984	Hà Tĩnh	Đại học	Kế toán	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
286	16	Nguyễn Thảo	Hạnh		Nữ	Kinh	29/6/1993	Phú Yên	Đại học	Kinh tế Luật	Anh TOEIC	B		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
287	17	Văn Thị Mỹ	Hạnh		Nữ	Kinh	19/12/1996	Phú Yên	Đại học	Luận dân sự	Anh B	CNTT Nâng cao		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
288	18	Trần Ngọc Như	Hạnh		Nữ	Kinh	30/3/1997	Phú Yên	Đại học	Luật dân sự	Anh TOEIC	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
289	19	Nguyễn Xuân	Hào	Nam		Kinh	08/02/1998	Phú Yên	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
290	20	Trương Trọng	Hậu	Nam		Kinh	08/10/1990	Phú Yên	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
291	21	Nguyễn Thị Kim	Hiên		Nữ	Kinh	27/4/1994	Phú Yên	Kỹ sư	Công nghệ thực phẩm	Anh bậc 3	B		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
292	22	Trần Tấn	Hiên	Nam		Kinh	24/4/1992	Phú Yên	Đại học	Luật Hành chính - Nhà nước	Anh B	A	Bộ đội xuất ngũ	KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
293	23	Nguyễn Thị Bích	Hiên		Nữ	Kinh	25/5/1994	Phú Yên	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B1	B		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
294	24	Trần Thị Hồng	Hiệp		Nữ	Kinh	24/6/1989	Phú Yên	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh	Anh B	A	Con TB	KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
295	25	Phạm Văn	Hóa	Nam		Kinh	06/3/1985	Phú Yên	Đại học	Công nghệ thông tin	Anh B	Đại học		Chuyên viên CNTT	Tiếng Anh		x	Phú Yên	
296	26	Ngô Thị Thu	Hào		Nữ	Kinh	25/01/1992	Phú Yên	Đại học	Tài chính ngân hàng	Anh B	B	Con TB	KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
297	27	Phạm Khắc	Hoàng	Nam		Kinh	13/6/1995	Quảng Ngãi	Đại học	Kế toán	Anh C CC tiếng M' Nồng	B		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
298	28	Trần Minh	Hoàng	Nam		Kinh	05/12/1991	Phú Yên	Đại học	Kế toán doanh nghiệp	Anh B	Trung cấp	Con TB	KSVTT	Tiếng Anh		x	Phú Yên	
299	29	Nguyễn Anh	Hoàng		Nữ	Kinh	31/10/1984	Phú Yên	Đại học	Kế toán - kiểm toán	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	

STT	STT	Họ và tên đệm		Giới tính		Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học		
300	30	Nguyễn Công	Hội	Nam		Kinh	18/02/1988	Phú Yên	Thạc sỹ	Công nghệ thông tin	Anh B1	Đại học		Chuyên viên CNTT	Tiếng Anh		x	Phú Yên	
301	31	Nguyễn Thị Xuân	Hồng		Nữ	Kinh	09/02/1992	Phú Yên	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
302	32	Bùi Thị Mỹ	Huệ		Nữ	Kinh	24/9/1997	Phú Yên	Đại học	Luật	Anh B1	CNTT Nâng cao		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
303	33	Võ Duy	Hùng	Nam		Kinh	15/9/1985	Phú Yên	Đại học	Luật	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
304	34	Trần Thị	Hương		Nữ	Kinh	04/8/1993	Hà Tĩnh	Đại học	Kế toán	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
305	35	Nguyễn Xuân	Hương		Nữ	Kinh	20/8/1990	Phú Yên	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
306	36	Võ Thành	Khoa	Nam		Kinh	12/01/1996	Phú Yên	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
307	37	Võ Thị thúy	Kiều		Nữ	Kinh	26/8/1991	Phú Yên	Đại học	Kế toán	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
308	38	Phùng Cao	Lạc	Nam		kinh	27/01/1992	Phú Yên	Kỹ sư	Công nghệ sinh học	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
309	39	Trương Trọng	Lễ	Nam		Kinh	22/12/1990	Phú Yên	Kỹ sư	Công nghệ thông tin	Anh C	Kỹ sư		Chuyên viên CNTT	Tiếng Anh		x	Phú Yên	
310	40	Nguyễn Thị Kim	Liên		Nữ	Kinh	25/6/1992	Phú Yên	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
311	41	Cao Thị Bích	Liều		Nữ	Kinh	01/01/1996	Phú Yên	Đại học	Kinh tế	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
312	42	Phan Thị Tùng	Linh		Nữ	Kinh	17/3/1986	Phú Yên	Đại học	Công nghệ thông tin	Anh B	Đại học		Chuyên viên CNTT	Tiếng Anh		x	Phú Yên	
313	43	Trần Thanh	Loan		Nữ	Kinh	28/8/1996	Hà Nam	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
314	44	Lê Xinh	Luật	Nam		Kinh	14/5/1993	Phú Yên	Đại học	Quản trị - Luật	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
315	45	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai		Nữ	Kinh	06/12/1995	Phú Yên	Đại học	Luật Dân sự	Anh B	CNTT Nâng cao		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
316	46	Nguyễn Công	Minh	Nam		Kinh	12/02/1998	Phú Yên	Đại học	Luật Kinh tế	Anh B	CNTT Nâng cao		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
317	47	Tô Tín	Ngọc		Nữ	Kinh	27/9/1997	Phú Yên	Đại học	Quản trị Luật	Anh TOEIC	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
318	48	Phan Thị	Nhân		Nữ	Kinh	07/9/1989	Phú Yên	Đại học	Kế toán	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
319	49	Trương Thế	Nhon	Nam		Kinh	08/7/1988	Phú Yên	Đại học	Kế toán	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
320	50	Phạm Thị Quỳnh	Như		Nữ	Kinh	05/3/1998	Phú Yên	Đại học	Luật	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
321	51	Võ Thành	Như	Nam		Kinh	28/02/1989	Phú Yên	Đại học	Kinh tế đối ngoại	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
322	52	Nguyễn Thị Hồng	Nhung		Nữ	Kinh	20/4/1993	Phú Yên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Anh B1	B		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
323	53	Lê Thị Bích	Nhung		Nữ	Kinh	05/10/1997	Phú Yên	Đại học	Luật thương mại quốc tế	Anh TOEIC	CNTT Nâng cao		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
324	54	Nguyễn Khắc Hữu	Nguyễn	Nam		Kinh	13/02/1996	Thừa Thiên Huế	Đại học	Luật kinh tế	Anh B	Tin học ứng dụng		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
325	55	Bùi Xuân	Phát	Nam		Kinh	25/12/1994	Phú Yên	Đại học	Luật	Anh B	CNTT Nâng cao	Bộ đối xuất ngũ	KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	

STT	STT	Họ và tên đệm		Giới tính		Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học		
326	56	Huỳnh Long	Phi	Nam		Kinh	16/4/1990	Phú Yên	Thạc sĩ	Quản lý công	Anh Bậc 2	B		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
327	57	Nguyễn Hữu	Phong	Nam		Kinh	01/11/1997	Phú Yên	Đại học	Kế toán	Anh B	CNTT Nâng cao		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
328	58	Đặng Thế	Phong	Nam		Kinh	12/6/1998	Phú Yên	Đại học	Tài chính doanh nghiệp	Anh B1	Tiếp thị KTS		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
329	59	Huỳnh Trúc	Phuong		Nữ	Kinh	07/3/1989	Phú Yên	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
330	60	Phạm Thị Yên	Phuong		Nữ	Kinh	28/3/1998	Phú Yên	Đại học	Luật kinh tế - quốc tế	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
331	61	Đỗ Đức	Quý	Nam		Kinh	15/9/1993	Nam Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Đại học	CNTTCB		KSVTT		x		Phú Yên	
332	62	Nguyễn Văn	Quý	Nam		Kinh	20/8/1979	Phú Yên	Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm và đồ uống	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
333	63	Bàn Thị	Sị		Nữ	Dao	20/01/1993	Lạng Sơn	Đại học	Luật	Anh B	B	Người DT	KSVTT		x		Phú Yên	
334	64	Huỳnh Thanh	Son	Nam		Kinh	03/3/1987	Phú Yên	Đại học	Quản trị kinh doanh (Du lịch)	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
335	65	Võ Đức Vũ	Tài	Nam		Kinh	21/8/1997	Phú Yên	Đại học	Luật Kinh tế	Anh B1	Ứng dụng		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
336	66	Đỗ Văn	Tài	Nam		Kinh	09/10/1981	Phú Yên	Đại học	Kinh tế Luật	Anh B	Ứng dụng cơ bản	Bộ đối xuất nhập	KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
337	67	Hoàng Bê	Tài	Nam		Nùng	05/4/1992	Cao Bằng	Đại học	Luật	Anh B	B	Người DT	KSVTT		x		Phú Yên	
338	68	Lê Quốc	Thắng	Nam		Kinh	11/9/1985	Phú Yên	Đại học	Luật kinh tế	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
339	69	Huỳnh Thị	Thanh		Nữ	Kinh	19/9/1996	Phú Yên	Đại học	Kế toán - kiểm toán	Anh B	CNTT Nâng cao		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
340	70	Nguyễn Thị Kim	Thanh		Nữ	Kinh	01/6/1991	Phú Yên	Đại học	Quản trị kinh doanh tổng hợp	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
341	71	Nguyễn Lý Mai	Thảo		Nữ	Kinh	26/8/1994	Phú Yên	Đại học	Kinh tế	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
342	72	Lương Công	Thảo	Nam		Kinh	25/11/1993	Phú Yên	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
343	73	Nguyễn Thị Hồng	Thảo		Nữ	Kinh	24/8/1997	Phú Yên	Đại học	Luật	Anh B2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
344	74	Lương Công	Thảo	Nam		Kinh	21/9/1992	Phú Yên	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	B	HT nghĩa vụ CAND	KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
345	75	Phan Thị Minh	Thiện		Nữ	Kinh	10/02/1992	Phú Yên	Đại học	Luật hành chính	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
346	76	Võ Tiến	Thịnh	Nam		Kinh	12/12/1995	Phú Yên	Đại học	Luật	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
347	77	Hoàng Thị Kim	Thoa		Nữ	Kinh	26/02/1983	Phú Yên	Đại học	Kinh tế Luật	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
348	78	Nguyễn Thị Kim	Thoa		Nữ	Kinh	02/12/1993	Phú Yên	Thạc sĩ	Luật dân sự	Anh bậc 3	B	Con TB	KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
349	79	Nguyễn Thị Ngọc	Thường		Nữ	Kinh	31/12/1990	Phú Yên	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
350	80	Trần Thị Bích	Thúy		Nữ	Kinh	20/01/1998	Phú Yên	Đại học	Luật hình sự	Anh TOEIC	Văn phòng		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
351	81	Nguyễn Văn	Tín	Nam		Kinh	01/12/1987	Phú Yên	Đại học	Luật	Anh B	A	Con TB	KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	

STT	STT	Họ và tên đệm		Giới tính		Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học		
352	82	Phan Thế Hữu	Toàn	Nam		Kinh	21/10/1989	Phú Yên	Đại học	Công nghệ thông tin	Anh B	Đại học		Chuyên viên CNTT	Tiếng Anh		x	Phú Yên	
353	83	Lê Thái	Toàn	Nam		Kinh	20/3/1985	Phú Yên	Đại học	Kinh tế Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
354	84	Phạm Văn	Tới	Nam		Kinh	25/9/1990	Phú Yên	Đại học	Công nghệ thông tin	Anh B	Đại học		Chuyên viên CNTT	Tiếng Anh		x	Phú Yên	
355	85	Nguyễn Thị	Trâm		Nữ	Kinh	06/02/1988	Phú Yên	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
356	86	Phạm Hồ Thị Tổ	Trình		Nữ	Kinh	04/9/1997	Phú Yên	Đại học	Luật kinh tế	Anh B1	Văn phòng		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
357	87	Nguyễn Thị Thu	Trúc		Nữ	Kinh	27/01/1995	Phú Yên	Đại học	Công nghệ thực phẩm	Anh C	A		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
358	88	Lê Văn	Truyền	Nam		Kinh	05/7/1989	Phú Yên	Đại học	Công nghệ thông tin	Anh B CC tiếng Ê đê	Đại học		Chuyên viên CNTT		x	x	Phú Yên	
359	89	Huỳnh Ngọc	Tú	Nam		Kinh	25/9/1989	Phú Yên	Đại học	Công nghệ thông tin	Anh B	Đại học		Chuyên viên CNTT	Tiếng Anh		x	Phú Yên	
360	90	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam		Kinh	31/12/1995	Quảng Ninh	Đại học	Luật	Anh A2	CNITCB		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
361	91	Lê Võ Anh	Tuấn	Nam		Kinh	02/02/1998	Phú Yên	Đại học	Luật hành chính	Anh B1	CNITCB		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
362	92	Lê Thị Ngọc	Tuyền		Nữ	Kinh	03/5/1993	Phú Yên	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
363	93	Nguyễn Thị Tường	Vi		Nữ	Kinh	09/8/1996	Phú Yên	Đại học	Luận dân sự	Anh B	CNTT Nâng cao		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
364	94	Trương Pa	Vi		Nữ	Kinh	08/9/1990	Phú Yên	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
365	95	Ngô Thị Phương	Vi		Nữ	Kinh	24/12/1992	Phú Yên	Thạc sỹ	Ngân hàng	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
366	96	Phan Trung	Vinh	Nam		Kinh	20/12/1987	Phú Yên	Đại học	Kế toán	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
367	97	Nguyễn Vũ Tường	Vy		Nữ	Kinh	12/3/1993	Phú Yên	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
368	98	Lê Quang	Bính	Nam		Kinh	30/4/1993	Hưng Yên	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh C	CNITCB		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
369	99	Huỳnh Thị Kim	Yến		Nữ	Kinh	16/4/1992	Phú Yên	Đại học	Kế toán	Anh C	CNITCB		KSVTT	Tiếng Anh			Phú Yên	
		QUẢNG BÌNH																	
370	1	Võ Thị Thanh	Bính		Nữ	Kinh	12/09/1994	Quảng Bình	Đại học	Luật Hành Chính	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Bình	
371	2	Phạm Thị Mỹ	Duyên		Nữ	Kinh	12/11/1997	Quảng Bình	Đại học	Luật Hình Sự	Anh B1	CNITCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Bình	
372	3	Phan Hoàng	Đạt	Nam		Kinh	09/01/1994	Quảng Bình	Đại học	Luật Kinh tế	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Bình	
373	4	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh		Nữ	Kinh	25/5/1992	Quảng Bình	Đại học	Tài Chính Doanh Nghiệp	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Bình	
374	5	Phạm Hồng	Lê		Nữ	Kinh	07/9/1995	Quảng Bình	Đại học	Luật Hợp Đồng	Anh B1	CNITCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Bình	
375	6	Hồ Dương Nhật	Lệ		Nữ	Kinh	06/06/1998	Quảng Bình	Đại học	Thương Mại Điện Tử	Anh B1	CNITCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Bình	
376	7	Vũ Lê Mai	Ly		Nữ	Kinh	24/10/1997	Quảng Bình	Đại học	Luật TC Kinh doanh	Anh B1	CNITCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Bình	

STT	STT	Họ và tên đệm	Tên	Giới tính		Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học		
377	8	Trần Thị My	Ly		Nữ	Kinh	09/10/1994	Quảng Bình	Đại học	Luật Học	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Bình	
378	9	Phan Đình Nguyệt	Minh		Nữ	Kinh	05/7/1988	Quảng Bình	Thạc sĩ	Quản Trị Kinh Doanh	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Bình	
379	10	Ngô Thị Thảo	Nhi		Nữ	Kinh	25/02/1997	Quảng Bình	Đại học	Luật (Luật Dân sự)	Anh B1	THVPQT		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Bình	
380	11	Ngô Phương	Nhi		Nữ	Kinh	10/06/1994	Quảng Bình	Đại học	Luật TC Kinh doanh	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Bình	
381	12	Bùi Thị Tuyết	Nhung		Nữ	Kinh	18/12/1997	Quảng Bình	Đại học	Luật TC Kinh doanh	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Bình	
382	13	Nguyễn Thị Kiều	Phuong		Nữ	Kinh	05/04/1997	Quảng Bình	Đại học	Luật (Tư pháp hình sự)	Anh B1	CNTT Nâng cao		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Bình	
383	14	Nguyễn Thị Lan	Phuong		Nữ	Kinh	29/09/1991	Quảng Bình	Đại học	Tài Chính Doanh Nghiệp	Anh B	CNTTCB	Con TB 4/4	KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Bình	
384	15	Hoàng Mộng	Quỳnh		Nữ	Kinh	14/9/1991	Quảng Bình	Đại học	Luật	Anh A2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Bình	
385	16	Phan Trường	Son	Nam		Kinh	16/10/1998	Quảng Bình	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Bình	
386	17	Nguyễn Thị Diệu	Thư		Nữ	Kinh	31/07/1997	Quảng Bình	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Bình	
387	18	Đặng Thị Hồng	Thương		Nữ	Kinh	20/11/1997	Quảng Bình	Đại học	Luật (Tư pháp hình sự)	Anh B1	CNTT Nâng cao		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Bình	
388	19	Võ Diệp Minh	Trang		Nữ	Kinh	03/8/1998	Thừa Thiên Huế	Đại học	Luật	Anh B2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Bình	
389	20	Đậu Thị Thanh	Vân		Nữ	Kinh	19/02/1997	Quảng Bình	Đại học	Luật Hành Chính	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Bình	
390	21	Hoàng Thị Cẩm	Vân		Nữ	Kinh	15/10/1997	Quảng Bình	Đại học	Luật Hình Sự	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Bình	
		QUẢNG NAM																	
391	1	Vô Văn	Châu	Nam		Kinh	25/10/1996	Quảng Nam	Đại học	Luật Dân sự	B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Nam	
392	2	Nguyễn Mai	Chi	Nam		Kinh	16/5/1993	Quảng Nam	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh tổng quát	Kỹ thuật viên		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Nam	
393	3	Trần Cao	Cường	Nam		Kinh	29/9/1982	Quảng Nam	Đại học	Kế toán	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Nam	
394	4	Trần Quang	Cường	Nam		Kinh	01/01/1980	Quảng Nam	Đại học	Quản trị kinh doanh	B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Nam	
395	5	Đoàn Thị	Diễm		Nữ	Kinh	12/01/1994	Quảng Nam	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Nam	
396	6	Lê Minh	Hoàng	Nam		Kinh	14/01/1991	Quảng Nam	Đại học	Kiến trúc	Anh C	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Nam	
397	7	Lữ Viết	Hội	Nam		Kinh	24/5/1989	Quảng Nam	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Nam	
398	8	Nguyễn Hữu	Huy	Nam		Kinh	12/8/1988	Quảng Nam	Đại học	Kế toán	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Nam	
399	9	Phan Thị Minh	Huyền		Nữ	Kinh	10/12/1993	Quảng Nam	Đại học	Luật	Toeic 590	B		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Nam	
400	10	Phan Cao	Khải	Nam		Kinh	28/10/1987	Thái Bình	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Nam	
401	11	Huỳnh Dương	Khánh	Nam		Kinh	31/8/1992	Quảng Nam	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Nam	

STT	STT	Họ và tên đệm	Tên	Giới tính		Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học		
402	12	Huỳnh Thị	Lệ		Nữ	Kinh	25/01/1994	Quảng Nam	Đại học	Kế hoạch đầu tư	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Nam	
403	13	Huỳnh Thị Kim	Liên		Nữ	Kinh	16/9/1978	Quảng Nam	Đại học	Kế toán	Anh B	ƯD A		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Nam	
404	14	Lê Khắc	Luật	Nam		Kinh	10/4/1996	Hà Tĩnh	Đại học	Luật	Anh bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Nam	
405	15	Trần Đắc	Lương	Nam		Kinh	16/10/1994	Quảng Nam	Đại học	Lâm nghiệp	B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Nam	
406	16	Nguyễn Thị Thùy	My		Nữ	Kinh	18/8/1987	Quảng Nam	Đại học	Quản trị kinh doanh	Đại học	Kỹ thuật viên		KSVTT		x		Quảng Nam	
407	17	Phan Thị	Mỹ		Nữ	Kinh	23/9/1997	Quảng Nam	Đại học	Luật	Anh C	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Nam	
408	18	Đoàn Thị Hồng	Nhung		Nữ	Kinh	20/4/1986	Quảng Nam	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Nam	
409	19	Lê Trần Tuấn	Oanh		Nữ	Kinh	18/10/1982	Quảng Nam	Đại học	Quản trị kinh doanh	C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Nam	
410	20	Nguyễn Lê Thị Bông	Sen		Nữ	Kinh	01/5/1994	Quảng Nam	Đại học	Kế toán	B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Nam	
411	21	Nguyễn Lê Thị Hương	Sen		Nữ	Kinh	01/5/1994	Quảng Nam	Đại học	Kế toán	B1	B		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Nam	
412	22	Lê Thị Thanh	Tâm		Nữ	Kinh	06/12/1995	Quảng Bình	Đại học	Luật Hình sự	B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Nam	
413	23	Mai Đình	Thiện	Nam		Kinh	25/9/1987	Quảng Nam	Đại học	Quản trị kinh doanh tổng hợp	B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Nam	
414	24	Phạm Văn	Trưởng	Nam		Kinh	17/7/1983	Quảng Nam	Đại học	Luật	Anh B	B	Con TB	KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Nam	
415	25	Nguyễn Công	Tướng	Nam		Kinh	01/8/1991	Quảng Nam	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Nam	
416	26	Lê Thị Diệu	Uyển		Nữ	Kinh	22/10/1991	Quảng Nam	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Nam	
417	27	Trần Mai	Vi		Nữ	Kinh	16/11/1998	Quảng Nam	Đại học	Luật	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Nam	
418	28	Đặng Ngọc	Vinh	Nam		Kinh	21/01/1990	Quảng Nam	Đại học	Kiến trúc công trình	Anh B	Ứng dụng		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Nam	
		QUẢNG NGÃI																	
419	1	Hồ Trần Chí	Châu	Nam		Kinh	09/01/1989	Quảng Ngãi	Đại học	Luật	Toefl	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ngãi	
420	2	Bùi Minh	Chí	Nam		Kinh	29/11/1996	Quảng Ngãi	Đại học	Kinh tế	Anh B1; Toeic	CNTT Nâng cao		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ngãi	
421	3	Phạm Thị Kiều	Diễm		Nữ	Kinh	22/02/1997	Quảng Ngãi	Đại học	Luật	Toeic	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ngãi	
422	4	Nguyễn Ngọc	Dự	Nam		Kinh	20/10/1984	Quảng Ngãi	Đại học	QTKD	Anh B	Văn phòng		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ngãi	
423	5	Trịnh Quang	Duy	Nam		Kinh	20/4/1998	Quảng Ngãi	Đại học	Quản trị Kinh doanh	Anh B1	CNTT Nâng cao		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ngãi	
424	6	Nguyễn Quang	Đạt	Nam		Kinh	8/8/1994	Quảng Ngãi	Đại học	Luật Kinh tế	Toeic	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ngãi	
425	7	Nguyễn Thị Hữu	Hạnh		Nữ	Kinh	01/3/1993	Quảng Ngãi	Đại học	Kinh tế	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ngãi	
426	8	Phùng Văn	Hiển	Nam		Kinh	05/9/1992	Quảng Ngãi	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	B	Con TB (1/4)	KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ngãi	

STT	STT	Họ và tên đệm	Tên	Giới tính		Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học		
427	9	Bùi Vô Tá	Hùng	Nam		Kinh	19/4/1992	Quảng Ngãi	Đại học	Kế toán	ToeFl	CNTTCB	Con TB (4/4)	KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ngãi	
428	10	Nguyễn Phi	Hùng	Nam		Kinh	15/3/1995	Quảng Ngãi	Đại học	Luật	Anh B	Văn phòng B		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ngãi	
429	11	Nguyễn Thị Thanh	Huyền		Nữ	Kinh	26/8/1997	Quảng Ngãi	Đại học	Luật	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ngãi	
430	12	Đình Trần Thu	Lan		Nữ	H'rê	09/12/1997	Hà Tĩnh	Đại học	Luật	Toeic	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Quảng Ngãi	
431	13	Hạ	Long	Nam		Kinh	06/6/1988	Quảng Ngãi	Đại học	Tài chính- Ngân hàng	Anh B	B	Con TB (4/4)	KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ngãi	
432	14	Phạm Hoàng	Long	Nam		Kinh	115/3/1994	Quảng Ngãi	Đại học	Luật	Anh B1	B		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ngãi	
433	15	Đình Tấn	Lượng	Nam		Kinh	20/6/1995	Quảng Nam	Đại học	Tài chính-Ngân hàng	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ngãi	
434	16	Nguyễn Hồng Ánh	Ly		Nữ	Kinh	14/8/1992	Quảng Ngãi	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ngãi	
435	17	Vô Thành	Minh	Nam		Kinh	18/6/1994	Quảng Ngãi	Đại học	Luật	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ngãi	
436	18	Phạm Bùi Diễm	My		Nữ	Kinh	24/6/1997	Quảng Ngãi	Đại học	Luật	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ngãi	
437	19	Nguyễn Thị Thúy	Na		Nữ	Kinh	5/5/1997	Quảng Ngãi	Đại học	Luật	Toeic	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ngãi	
438	20	Dương Đặng Kiều	Ngân		Nữ	Kinh	18/8/1992	Quảng Ngãi	Đại học	Kế toán	Anh C; B1	CNTT Nâng cao		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ngãi	
439	21	Nguyễn Kim	Quy		Nữ	Kinh	16/7/1995	Hà Nam	Đại học	Luật Kinh tế	Anh A2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ngãi	
440	22	Trần Văn	Tài	Nam		Kinh	02/10/1992	Quảng Ngãi	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ngãi	
441	23	Lê Văn	Thành	Nam		Kinh	20/01/1992	Quảng Ngãi	Đại học	Kế toán	Chuẩn đầu ra tiếng Anh	B		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ngãi	
442	24	Huỳnh Minh	Thành	Nam		Kinh	03/6/1996	Quảng Nam	Đại học	Quản trị kinh doanh	TOEIC	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ngãi	
443	25	Lương Lê	Thiên	Nam		Kinh	17/9/1993	Quảng Ngãi	Đại học	Kế toán	ToeFl	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ngãi	
444	26	Phan Tấn	Thiên	Nam		Kinh	24/4/1995	Quảng Ngãi	Đại học	Luật	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ngãi	
445	27	Nguyễn Văn	Thiệu	Nam		Kinh	26/01/1996	Quảng Ngãi	Đại học	Luật	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ngãi	
446	28	Lê Viết	Thời	Nam		Kinh	31/5/1991	Quảng Ngãi	Đại học	Luật	ToeFl	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ngãi	
447	29	Huỳnh Ngọc	Thu	Nam		Kinh	01/3/1989	Quảng Ngãi	Đại học	Kế toán	ToeFl; Anh C	CNTTCB	Con TB (4/4)	KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ngãi	
448	30	Nguyễn Thị Bích	Thuận		Nữ	Kinh	08/02/1989	Bình Định	Đại học	Luật	Anh B	Văn phòng		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ngãi	
449	31	Phạm Vũ Anh	Thùy		Nữ	Kinh	01/6/1989	Quảng Ngãi	Đại học	Luật	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ngãi	
450	32	Vô Thị Bích	Ti		Nữ	Kinh	21/01/1993	Quảng Ngãi	Đại học	Kế toán	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ngãi	
451	33	Nguyễn Thị Ái	Vân		Nữ	Kinh	25/10/1997	Quảng Ngãi	Đại học	Luật Kinh tế	Anh B1	CNTTCB	Con của NDH cs như TB (4/4)	KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Ngãi	
		QUẢNG TRỊ																	

STT	STT	Họ và tên đệm		Giới tính		Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học		
452	1	Lê Thị Kim	Anh		Nữ	Kinh	25/01/1991	Quảng Trị	Đại học	Tài chính- Ngân hàng	Anh C	C		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Trị	
453	2	Võ Quỳnh	Anh		Nữ	Kinh	17/7/1993	Quảng Trị	Thạc sỹ	Quản lý kinh tế	Anh C	Văn phòng		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Trị	
454	3	Nguyễn Thị Ngọc	Bích		Nữ	Kinh	03/09/1991	Quảng Trị	Đại học	Luật	Anh C	B	Tri thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi 05 năm	KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Trị	
455	4	Nguyễn Tân	Châu		Nữ	Kinh	02/3/1991	Quảng Trị	Đại học	Kế toán	Anh B	KTV		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Trị	
456	5	Nguyễn Minh	Đức	Nam		Kinh	14/11/1986	Hải Dương	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Trị	
457	6	Tôn Châu	Giang		Nữ	Kinh	03/7/1997	Phú Yên	Đại học	Luật	Anh bậc 4	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Trị	
458	7	Phạm Hữu	Hoàng	Nam		Kinh	30/01/1993	Quảng Trị	Đại học	Kế toán	Anh C	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Trị	
459	8	Trần Thị Khánh	Huyền		Nữ	Kinh	16/6/1998	Quảng Trị	Đại học	Luật	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Trị	
460	9	Trần Hưng	Khánh	Nam		Kinh	13/9/1990	Quảng Trị	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh (TN ở nước ngoài)	IELTS 5.0	A		KSVTT		x		Quảng Trị	
461	10	Nguyễn Thái Hiếu	Kiên		Nữ	Kinh	21/12/1998	Quảng Trị	Đại học	Luật	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Trị	
462	11	Trịnh Thị Kim	Lê		Nữ	Kinh	08/7/1992	Quảng Trị	Thạc sỹ	Luật	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Trị	
463	12	Phạm	Lợi	Nam		Kinh	3/9/1997	Hà Tĩnh	Đại học	Luật (Tư pháp hình sự)	Anh B1	CNTTNC		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Trị	
464	13	Phạm Thị Phương	Linh		Nữ	Kinh	22/5/1993	Quảng Trị	Đại học	Tài chính- Ngân hàng	Toeic	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Trị	
465	14	Lê Khánh	Linh	Nam		Kinh	24/6/1997	Quảng Trị	Đại học	Luật	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Trị	
466	15	Trần Minh	Nam	Nam		Kinh	01/12/1979	Quảng Trị	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Trị	
467	16	Nguyễn Thị Minh	Ngọc		Nữ	Kinh	12/4/1998	Quảng Trị	Đại học	Luật	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Trị	
468	17	Nguyễn Thị Thu	Phuong		Nữ	Kinh	12/9/1978	Quảng Trị	Đại học	Kế toán	Anh B	Trung cấp	Con TB	KSVTT	Tiếng Anh		x	Quảng Trị	
469	18	Nguyễn Thị Thủy	Phuong		Nữ	Kinh	25/4/1995	Quảng Trị	Đại học	Luật	Anh B1	B		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Trị	
470	19	Nguyễn Thị	Phượng		Nữ	Kinh	17/10/1996	Quảng Trị	Đại học	Kế toán	Anh B1	CNTT Nâng cao		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Trị	
471	20	Thái Như	Quỳnh		Nữ	Kinh	28/2/1998	Quảng Trị	Đại học	Luật	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Trị	
472	21	Bành Đức	Sinh	Nam		Kinh	22/6/1995	Nghệ An	Đại học	Quản lý tài nguyên và Môi trường	Anh bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Trị	
473	22	Hồ Thị Xuân	Thịnh		Nữ	Kinh	26/3/1997	Quảng Trị	Đại học	Luật	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Trị	
474	23	Nguyễn Thị Ngọc	Trình		Nữ	Kinh	28/7/1992	Quảng Trị	Đại học	Kế toán	Anh C	Kỹ thuật viên		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Trị	
475	24	Lê Thị Ngọc	Viễn		Nữ	Kinh	15/02/1995	Quảng Trị	Đại học	Tài chính- Ngân hàng	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Quảng Trị	
476	25	Hoàng Thị	Yến		Nữ	Kinh	21/4/1982	Quảng Trị	Đại học	Kế toán	Anh B	Trung cấp		KSVTT	Tiếng Anh		x	Quảng Trị	

STT	STT	Họ và tên đệm		Giới tính		Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học		
		THỪA THIÊN HUẾ																	
477	1	Trương Nhị	Bằng	Nam		Kinh	07/8/1984	Thừa Thiên Huế	Đại học	Luật	Anh A2	CNTTCB	HT nghĩa vụ qs	KSVTT	Tiếng Anh			Thừa Thiên Huế	
478	2	Phạm Thị	Châu		Nữ	Kinh	16/12/1983	Hà Tĩnh	Thạc sĩ	Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Thừa Thiên Huế	
479	3	Ngô Mỹ	Duyên		Nữ	Kinh	02/03/1995	Thừa Thiên Huế	Đại học	Luật	Anh B2	B		KSVTT	Tiếng Anh			Thừa Thiên Huế	
480	4	Trương Công	Đức	Nam		Kinh	11/11/1992	Thừa Thiên Huế	Đại học	Kế toán	Anh bậc 3	B		KSVTT	Tiếng Anh			Thừa Thiên Huế	
481	5	Tổng Hồng	Giang	Nam		Kinh	24/11/1985	Hà Tĩnh	Đại học	Kế toán	Anh B1	Kỹ sư		KSVTT	Tiếng Anh		x	Thừa Thiên Huế	
482	6	Lê Thị Thanh	Hằng		Nữ	Kinh	26/4/1993	Thanh Hóa	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	Anh B1	B		KSVTT	Tiếng Anh			Thừa Thiên Huế	
483	7	Ngô Quốc	Hiếu	Nam		Kinh	29/5/1986	Quảng Trị	Đại học	Kế toán	Anh B	Kỹ thuật viên		KSVTT	Tiếng Anh			Thừa Thiên Huế	
484	8	Phạm Thị Bảo	Hoài		Nữ	Kinh	27/11/1988	Thừa Thiên Huế	Đại học	Kế toán	Anh B	CNTTCB		Chuyên viên Kế toán - Tổng hợp	Tiếng Anh			Thừa Thiên Huế	
485	9	Phạm Thị Minh	Hồng		Nữ	Kinh	04/7/1987	Thừa Thiên Huế	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Thừa Thiên Huế	
486	10	Trần Thị	Huê		Nữ	Kinh	23/6/1993	Thừa Thiên Huế	Đại học	Luật	Anh Bậc 3	B		KSVTT	Tiếng Anh			Thừa Thiên Huế	
487	11	Nguyễn Thị Thu	Hường		Nữ	Kinh	25/8/1998	Quảng Trị	Đại học	Luật hợp đồng	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Thừa Thiên Huế	
488	12	Nguyễn Lê Thanh	Huyền		Nữ	Kinh	04/10/1998	Quảng Bình	Đại học	Luật dân sự	Anh B2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Thừa Thiên Huế	
489	13	Nguyễn Đức Anh	Khoa	Nam		Kinh	11/01/1994	Thừa Thiên Huế	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Pháp B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Thừa Thiên Huế	
490	14	Đặng Hữu Hoàng	Minh	Nam		Kinh	20/8/1977	Thừa Thiên Huế	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Thừa Thiên Huế	
491	15	Hồ Thị Kim	Nga		Nữ	Pacô	11/2/1995	Thừa Thiên Huế	Đại học	Luật Dân sự	Anh B1	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Thừa Thiên Huế	
492	16	Hồ Xuân Hoàng	Nhật	Nam		Kinh	25/11/1994	Thừa Thiên Huế	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Thừa Thiên Huế	
493	17	Nguyễn Quang Quỳnh	Như		Nữ	Kinh	21/02/1997	Thừa Thiên Huế	Đại học	Kế toán	Anh B1	CNTTCB		Chuyên viên Kế toán - Tổng hợp	Tiếng Anh			Thừa Thiên Huế	
494	18	Lê Trần Bảo	Ny		Nữ	Kinh	30/5/1996	Thừa Thiên Huế	Đại học	Luật Hành chính	Anh bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Thừa Thiên Huế	
495	19	Dương Ngọc	Phước	Nam		Kinh	20/9/1985	Thừa Thiên Huế	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh C	Đại học		KSVTT	Tiếng Anh		x	Thừa Thiên Huế	
496	20	Vương Đình	Thành	Nam		Kinh	20/11/1995	Thừa Thiên Huế	Đại học	Kế toán - Kiểm toán	Anh bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Thừa Thiên Huế	
497	21	Nguyễn Thái	Thực	Nam		Kinh	20/9/1987	Hà Tĩnh	Đại học	Kế toán	Anh bậc 4	B		KSVTT	Tiếng Anh			Thừa Thiên Huế	
498	22	Lê Thị Thùy	Trang		Nữ	Kinh	23/3/1990	Quảng Trị	Đại học	Kế toán	Anh C	B		Chuyên viên Kế toán - Tổng hợp	Tiếng Anh			Thừa Thiên Huế	
499	23	Lê Viết Chí	Trung	Nam		Kinh	08/9/1995	Thừa Thiên Huế	Đại học	Luật hình sự	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Thừa Thiên Huế	
500	24	Nguyễn Anh	Vũ	Nam		Kinh	14/11/1984	Thừa Thiên Huế	Đại học	Kế toán doanh nghiệp	Anh B	Trung cấp		KSVTT	Tiếng Anh		x	Thừa Thiên Huế	

STT	STT	Họ và tên đệm		Giới tính		Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học		
501	25	Phạm Hải Trà	My		Nữ	Kinh	27/2/1989	Thừa Thiên Huế	Đại học	Luật Kinh tế	Anh B1	VP về soạn thảo Excel		KSVTT	Tiếng Anh			Thừa Thiên Huế	
502	26	Hoàng Lê Vy	Vy		Nữ	Kinh	22/9/1995	Thừa Thiên Huế	Đại học	Kế hoạch - Đầu tư	Anh B1	VP về soạn thảo Excel	Con TB	KSVTT	Tiếng Anh			Thừa Thiên Huế	
		BÌNH THUẬN																	
503	1	Nguyễn Thị Minh	Anh		Nữ	Kinh	01/10/1997	Bắc Giang	Đại học	Luật	TOEIC 540	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Thuận	
504	2	Nguyễn Xuân	Lợi	Nam		Kinh	10/4/1979	Vĩnh Phúc	Đại học	Kinh tế - Luật	Anh B	Trung cấp	Con TB	KSVTT	Tiếng Anh		x	Bình Thuận	
505	3	Tạ Văn	Lưu	Nam		Chăm	24/01/1989	Bình Thuận	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh C	B	Người DT	KSVTT		x		Bình Thuận	
506	4	Trần Thanh Bảo	Phúc	Nam		Kinh	28/10/1990	Bình Thuận	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Anh B1	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Thuận	
507	5	Thần Thị	Trang		Nữ	Kinh	23/8/1989	Bắc Giang	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Thuận	
508	6	Lê Tiến	Trình	Nam		Kinh	19/8/1982	Quảng Nam	Đại học	Kinh tế - Luật	Anh B	Trung cấp		KSVTT	Tiếng Anh		x	Bình Thuận	
509	7	Nguyễn Linh	Tuấn	Nam		Kinh	11/7/1997	Bình Thuận	Đại học	Luật	Anh TOEIC 595	CNTT Nâng cao		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Thuận	
		AN GIANG																	
510	1	Nguyễn Kỳ	Anh	Nam		Kinh	18/9/1986	An Giang	Đại học	Luật	B	A		KSVTT	Tiếng Anh			An Giang	
511	2	Đỗ Thọ Ngọc	Châu		Nữ	Kinh	17/01/1987	An Giang	Thạc sĩ	Tài chính - ngân hàng	Anh B CC tiếng KHMER	A		KSVTT		x		An Giang	
512	3	Nguyễn Quốc	Cường	Nam		Kinh	16/9/1984	Kiên Giang	Đại học	Luật	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			An Giang	
513	4	Trần Huy	Cường	Nam		Kinh	17/10/1980	An Giang	Đại học	Luật	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			An Giang	
514	5	Nguyễn Hữu	Đức	Nam		Kinh	25/09/1995	An Giang	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			An Giang	
515	6	Nguyễn Thị Kim	Em		Nữ	Kinh	08/05/1988	An Giang	Đại học	Kế toán doanh nghiệp	Anh B	A		Chuyên viên Kế toán - Tổng hợp	Tiếng Anh			An Giang	
516	7	Huỳnh Hữu	Hậu	Nam		Kinh	26/01/1985	An Giang	Thạc sĩ	Tài chính - ngân hàng	Anh B1	A		KSVTT	Tiếng Anh			An Giang	
517	8	Huỳnh Ngọc	Hiệp	Nam		Kinh	20/8/1988	An Giang	Đại học	Tài chính - ngân hàng	B	B		KSVTT	Tiếng Anh			An Giang	
518	9	Nguyễn Trọng	Hiếu	Nam		Kinh	01/12/1993	An Giang	Đại học	Tài chính - Doanh nghiệp	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			An Giang	
519	10	Nguyễn Văn	Hoàng	Nam		Kinh	10/4/1983	An Giang	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			An Giang	
520	11	Trần Thâm	Huê		Nữ	Kinh	06/01/1998	An Giang	Đại học	Luật thương mại	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			An Giang	
521	12	Trần Thuận	Hưng		Nữ	Kinh	12/7/1997	An Giang	Đại học	Luật	Anh A2	A		KSVTT	Tiếng Anh			An Giang	
522	13	Phan Thị Ngọc	Hương		Nữ	Kinh	01/10/1997	An Giang	Đại học	Luật	Anh Bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			An Giang	
523	14	Huỳnh An	Khang	Nam		Kinh	06/9/1979	An Giang	Thạc sĩ	Tài chính - ngân hàng	Anh B1	B		KSVTT	Tiếng Anh			An Giang	
524	15	Neàng A	Linh		Nữ	Khmer	10/7/1998	An Giang	Đại học	Luật	Anh Bậc 3 CC tiếng Khmer	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		An Giang	

STT	STT	Họ và tên đệm	Tên	Giới tính		Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học		
525	16	Nguyễn Trọng	Luật	Nam		Kinh	07/05/1982	An Giang	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			An Giang	
526	17	Đỗ Minh	Mẫn	Nam		Kinh	15/12/1985	An Giang	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			An Giang	
527	18	Nguyễn Nhật	Ngoan	Nam		Kinh	23/11/1994	An Giang	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			An Giang	
528	19	Huỳnh Phước	Nhân	Nam		Kinh	10/3/1997	An Giang	Đại học	Luật kinh tế	Anh B	CNTT Nâng cao		KSVTT	Tiếng Anh			An Giang	
529	20	Trần Thị Bảo	Như		Nữ	Kinh	03/12/1996	An Giang	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			An Giang	
530	21	Nguyễn Thị Yến	Nhung		Nữ	Kinh	20/11/1997	An Giang	Đại học	Luật hình sự	TOEIC 475	Microsoft Office		KSVTT	Tiếng Anh			An Giang	
531	22	Neáng Sóc	Phia		Nữ	Khmer	03/04/1997	An Giang	Đại học	Luật hành chính	Anh B1	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		An Giang	
532	23	Trần Văn	Phúc	Nam		Kinh	16/8/1993	An Giang	Đại học	Luật kinh tế	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			An Giang	
533	24	Nguyễn Minh	Phụng	Nam		Kinh	02/9/1991	An Giang	Đại học	Luật	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			An Giang	
534	25	Trần Phan Đỗ	Quyên		Nữ	Kinh	02/12/1990	An Giang	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			An Giang	
535	26	Nguyễn Văn	Sứu	Nam		Kinh	13/4/1989	An Giang	Đại học	Luật	Anh B	Cao đẳng		KSVTT	Tiếng Anh		x	An Giang	
536	27	Phan Văn	Tèo	Nam		Kinh	15/11/1986	An Giang	Đại học	Kế toán doanh nghiệp	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			An Giang	
537	28	Trần Ngọc	Thanh	Nam		Kinh	19/8/1988	An Giang	Thạc sĩ	Tài chính - ngân hàng	Anh B1	A		KSVTT	Tiếng Anh			An Giang	
538	29	Nguyễn Thị Cẩm	Thu		Nữ	Kinh	28/7/1996	An Giang	Đại học	Luật kinh tế	Anh C	CNTT Nâng cao		KSVTT	Tiếng Anh			An Giang	
539	30	Phạm Thị Minh	Thư		Nữ	Kinh	29/9/1997	Bến Tre	Đại học	Luật hành chính	Anh Bậc 4	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			An Giang	
540	31	Lê Thị Cẩm	Tiên		Nữ	Kinh	25/5/1998	An Giang	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			An Giang	
541	32	Nguyễn Trung	Tín	Nam		Kinh	06/4/1992	An Giang	Đại học	Luật	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			An Giang	
542	33	Nguyễn Quang	Toàn	Nam		Kinh	11/02/1997	An Giang	Đại học	Luật kinh tế	Anh B1	UD Microsoft Access		KSVTT	Tiếng Anh			An Giang	
543	34	Hồ Ngọc	Tốt	Nam		Kinh	23/02/1996	An Giang	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			An Giang	
544	35	Nguyễn Thị Phương	Trang		Nữ	Kinh	12/05/1997	Thanh Hóa	Đại học	Kế toán	Anh B	CNTTCB	Chuyên viên Kế toán - Tổng hợp	KSVTT	Tiếng Anh			An Giang	
545	36	Hứa Ngọc Thủy	Trang		Nữ	Kinh	06/07/1992	An Giang	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Anh Bậc 4	B		KSVTT	Tiếng Anh			An Giang	
546	37	Dương Thủy	Trang		Nữ	Kinh	19/8/1995	An Giang	Đại học	Luật	Anh Bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			An Giang	
547	38	Hà Anh	Tú	Nam		Kinh	22/8/1981	An Giang	Thạc sĩ	Tài chính - ngân hàng	Anh Bậc 2	B	Chuyên viên Kế toán - Tổng hợp	KSVTT	Tiếng Anh			An Giang	
548	39	Lâm Thị Cẩm	Tú		Nữ	Kinh	14/9/1998	An Giang	Đại học	Luật	Anh A2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			An Giang	
549	40	Nguyễn Hữu	Ý	Nam		Kinh	10/09/1995	An Giang	Đại học	Luật kinh tế	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			An Giang	
550	41	Vô Thị Hải	Yến		Nữ	Kinh	13/10/1993	An Giang	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			An Giang	

STT	STT	Họ và tên đệm	Tên	Giới tính		Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học		
		BÀ RIJA - VŨNG TÀU																	
551	1	Phạm Ngọc	Ánh		Nữ	Kinh	20/10/1997	Hà Nam	Đại học	Luật	IELTS (B2)	IC3		KSVTT	Tiếng Anh			Vũng Tàu	
552	2	Nguyễn Văn	Cường	Nam		Kinh	03/12/1989	Thái Bình	Đại học	Quản trị nhân lực	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Vũng Tàu	
553	3	Phạm Thị Thu	Hà		Nữ	Kinh	19/07/1986	Vĩnh Phúc	Thạc sĩ	Kinh tế chính trị	Chứng chỉ B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Vũng Tàu	
554	4	Cao Thị Minh	Hậu		Nữ	Kinh	19/02/1987	Bà Rịa-Vũng Tàu	Đại học	Quản trị Kinh doanh	Chứng chỉ B1 theo khung CEFR	B		KSVTT	Tiếng Anh			Vũng Tàu	
555	5	Lê Thị Thanh	Hiền		Nữ	Kinh	11/10/1989	Hà Nội	Đại học	Tài chính NH	Chứng chỉ B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Vũng Tàu	
556	6	Nguyễn Duy	Hưng	Nam		Kinh	26/6/1990	Vĩnh Phúc	Đại học	Kỹ sư dầu khí	Anh Bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Vũng Tàu	
557	7	Ngô Quang	Khải	Nam		Kinh	26/7/1997	Bà Rịa-Vũng Tàu	Đại học	Luật	Chứng chỉ B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Vũng Tàu	
558	8	Nguyễn Văn	Là	Nam		Kinh	21/4/1968	Bà Rịa-Vũng Tàu	Đại học	Tài chính doanh nghiệp	Đại học	A		KSVTT		x		Vũng Tàu	
559	9	Nguyễn Quang	Minh	Nam		Kinh	13/01/1978	Hà Nội	Đại học	Kinh tế	TOEIC 620	B		KSVTT	Tiếng Anh			Vũng Tàu	
560	10	Nguyễn Thị Thúy	Nga		Nữ	Kinh	19/02/1990	Quảng Bình	Đại học	Kinh tế XD & Quản lý DA	Chứng chỉ C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Vũng Tàu	
561	11	Lê Thị	Nguyệt		Nữ	Kinh	16/10/1987	Hưng Yên	Đại học	Luật	Anh B CC tiếng Tày	CNTTCB		KSVTT		x		Vũng Tàu	
562	12	Nguyễn Lâm Yên	Nhung		Nữ	Kinh	12/5/1994	Bà Rịa-Vũng Tàu	Đại học	Thanh Tra - QLNN	Chứng chỉ B1 theo khung CEFR	B		KSVTT	Tiếng Anh			Vũng Tàu	
563	13	Lưu Phước	Phong	Nam		Kinh	26/8/1982	Bến Tre	Đại học	Đại học Luật	Chứng chỉ B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Vũng Tàu	
564	14	Nguyễn Tiến	Thành	Nam		Kinh	28/10/1985	Vĩnh Phúc	Đại học	Kỹ sư xây dựng	Chứng chỉ B2 theo khung CEFR	B		KSVTT	Tiếng Anh			Vũng Tàu	
565	15	Nguyễn Thị Kim	Vy		Nữ	Kinh	02/02/1993	Quảng Ngãi	Đại học	Kế toán kiểm toán	Anh C	A		KSVTT	Tiếng Anh			Vũng Tàu	
		BẠC LIÊU																	
566	1	Phan Văn	Bình	Nam		Kinh	15/8/1987	Bạc Liêu	Đại học	Luật học	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bạc Liêu	
567	2	Trịnh Văn	Chơn	Nam		Kinh	1988	Bạc Liêu	Đại học	Luật	Anh B	CNTT Nâng cao		KSVTT	Tiếng Anh			Bạc Liêu	
568	3	Châu Văn	Dành	Nam		Kinh	12/09/1998	Bạc Liêu	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Bạc Liêu	
569	4	Nguyễn Thành	Đệ	Nam		Kinh	03/07/1986	Bạc Liêu	Đại học	Luật	Anh B	CNTT Nâng cao		KSVTT	Tiếng Anh			Bạc Liêu	
570	5	Nguyễn Minh	Đương	Nam		Kinh	01/01/1996	Cà Mau	Đại học	Luật Kinh tế	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Bạc Liêu	
571	6	Phạm Chí	Hải	Nam		Kinh	23/7/1996	Sóc Trăng	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Bạc Liêu	
572	7	Trương Ngọc	Hân		Nữ	Kinh	07/01/1998	Bạc Liêu	Đại học	Luật	TOEIC	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Bạc Liêu	
573	8	Phan Thị	Hân		Nữ	Kinh	01/7/1986	Kiên Giang	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bạc Liêu	
574	9	Nguyễn Thanh	Hùng	Nam		Kinh	15/4/1994	Trà Vinh	Đại học	Luật	Anh B	CNTT Nâng cao		KSVTT	Tiếng Anh			Bạc Liêu	

STT	STT	Họ và tên đệm		Giới tính		Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học		
575	10	Lê Thanh	Hùng	Nam		Kinh	25/3/1980	Bạc Liêu	Đại học	Luật; Quản trị kinh doanh	Anh B	CNTT Nâng cao		KSVTT	Tiếng Anh			Bạc Liêu	
576	11	Phạm Ngọc	Khoa		Nữ	Kinh	20/4/1996	Bạc Liêu	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Bạc Liêu	
577	12	Phạm Ngọc	Lài		Nữ	Kinh	01/07/1986	Bạc Liêu	Đại học	Kế toán	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bạc Liêu	
578	13	Trần Thị Diệu	Linh		Nữ	Kinh	17/12/1998	Bạc Liêu	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Bạc Liêu	
579	14	Nguyễn Thị Ái	Linh		Nữ	Kinh	01/3/1997	Bạc Liêu	Đại học	Luật	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Bạc Liêu	
580	15	Nguyễn Vũ	Linh	Nam		Kinh	02/09/1997	Sóc Trăng	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Bạc Liêu	
581	16	Nguyễn Chí	Luận	Nam		Kinh	28/8/1982	Bạc Liêu	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bạc Liêu	
582	17	Phạm Ngọc	Ngân		Nữ	Kinh	29/11/1990	Bạc Liêu	Đại học	Kế toán	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bạc Liêu	
583	18	Lê Hải	Ngoan	Nam		Kinh	08/7/1987	Bạc Liêu	Đại học	Kế toán	Anh B	B	Con TB	KSVTT	Tiếng Anh			Bạc Liêu	
584	19	Nguyễn Thị Uyên	Nhi		Nữ	Kinh	18/7/1993	Bạc Liêu	Đại học	Kế toán	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Bạc Liêu	
585	20	Nguyễn Hằng	Ny		Nữ	Kinh	06/11/1997	Bạc Liêu	Đại học	Luật Kinh tế	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Bạc Liêu	
586	21	Đoàn Văn	Quyển	Nam		Kinh	11/11/1991	Bạc Liêu	Đại học	Luật	Anh B	Kỹ sư		KSVTT	Tiếng Anh		x	Bạc Liêu	
587	22	Lưu Bảo	Toàn	Nam		Kinh	09/9/1986	Bạc Liêu	Đại học	Kế toán	Anh B	CNTT Nâng cao		KSVTT	Tiếng Anh			Bạc Liêu	
588	23	Ngô Văn	Toàn	Nam		Kinh	15/7/1985	Cà Mau	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bạc Liêu	
589	24	Huỳnh Hữu	Vinh	Nam		Kinh	27/02/1994	Bạc Liêu	Đại học	Luật Kinh tế	Anh A2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Bạc Liêu	
590	25	Châu Thị Mỹ	Xuyến		Nữ	Kinh	15/9/1991	Bạc Liêu	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bạc Liêu	
		BÌNH DƯƠNG																	
591	1	Nguyễn Hoàng Duy	Chương	Nam		Kinh	10/02/1985	Bình Dương	Đại học	Luật	Anh B	Trung cấp		KSVTT	Tiếng Anh		x	Bình Dương	
592	2	Nguyễn Tấn	Cường	Nam		Kinh	15/10/1998	Bình Dương	Đại học	Sư phạm lịch sử	Trung B	CNTT Nâng cao		Chuyên viên Thủ kho - Thủ quỹ	Tiếng Anh			Bình Dương	
593	3	Nguyễn Quốc	Cường	Nam		Kinh	08/8/1988	Bình Dương	Đại học	Luật	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Dương	
594	4	Nguyễn Thị Ngọc	Dung		Nữ	Kinh	29/5/1989	Bình Dương	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Anh B2	B		Chuyên viên Văn thư - Lưu trữ	Tiếng Anh			Bình Dương	
595	5	Nguyễn Quốc	Dũng	Nam		Kinh	21/7/1978	Bình Dương	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Dương	
596	6	Trương Thị Huỳnh	Giao		Nữ	Kinh	18/7/1992	Tây Ninh	Đại học	Kế toán	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Dương	
597	7	Nguyễn Phú	Hải	Nam		Kinh	24/8/1982	Bình Dương	Thạc sĩ	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Dương	
598	8	Nguyễn Thị	Hồng		Nữ	Kinh	06/11/1997	Bắc Ninh	Đại học	Kế toán (ĐT bằng T.Nga)		CNTTCB		Chuyên viên Kế toán - Tổng hợp		x		Bình Dương	
599	9	Ngô Thị Tường	Linh		Nữ	Kinh	08/6/2010	Bình Dương	Đại học	Công tác xã hội	Anh B	B		Chuyên viên Văn thư - Lưu trữ	Tiếng Anh			Bình Dương	

STT	STT	Họ và tên đệm		Giới tính		Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học		
600	10	Bùi Quang	Minh	Nam		Kinh	13/4/1972	Bình Dương	Đại học	Luật	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Dương	
601	11	Nguyễn Thị Ngọc	Nga		Nữ	Kinh	22/11/1985	Bình Dương	Đại học	Kinh tế	Anh C	CNTTCB		Chuyên viên Văn thư - Lưu trữ	Tiếng Anh			Bình Dương	
602	12	Võ Thị Hồng	Nga		Nữ	Kinh	02/10/1989	Bình Dương	Đại học	Kế toán	Anh B	B		Chuyên viên Kế toán - Tổng hợp	Tiếng Anh			Bình Dương	
603	13	Trần Thị Kim	Ngân		Nữ	Kinh	10/9/1989	Bình Dương	Thạc sĩ	Quản trị công (ĐT bằng T.Anh)		B	Con TB	Chuyên viên Kế toán - Tổng hợp		x		Bình Dương	
604	14	Đoàn Minh	Nhân	Nam		Kinh	26/12/1992	Bình Dương	Đại học	Luật	Anh B	A	Con TB	KSVTT	Tiếng Anh			Bình Dương	
605	15	Vũ Thị Tuyết	Nhi		Nữ	Kinh	05/10/1993	Bình Dương	Đại học	Quản trị kinh doanh (ĐT bằng T.Anh)	IELTS 6.0	A		KSVTT		x		Bình Dương	
606	16	Võ Thanh	Phong	Nam		Kinh	14/9/1987	Bình Dương	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Dương	
607	17	Nguyễn Thanh	Phong	Nam		Kinh	19/7/1995	Bình Dương	Đại học	Quản trị kinh doanh	TOEIC 385	Văn phòng		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Dương	
608	18	Huỳnh Thanh	Phong	Nam		Kinh	10/6/1982	Bình Dương	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Anh B1	A		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Dương	
609	19	Võ Thị Kim	Phụng		Nữ	Kinh	11/7/1990	Bình Dương	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	A		Chuyên viên Thủ kho - Thủ	Tiếng Anh			Bình Dương	
610	20	Nguyễn Hồng	Phượng		Nữ	Kinh	23/3/1989	Bình Dương	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh C	B		Chuyên viên Kế toán - Tổng hợp	Tiếng Anh			Bình Dương	
611	21	Nguyễn Nhứt	Quang	Nam		Kinh	25/4/1985	Bình Dương	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Dương	
612	22	Vũ Ngọc Kim	Quỳnh		Nữ	Kinh	07/7/1997	Bình Dương	Đại học	Luật	TOEIC 720	CNTT Nâng cao		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Dương	
613	23	Trần Văn	Toàn	Nam		Kinh	22/4/1991	Bình Dương	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Dương	
614	24	Nguyễn Bảo	Trọng	Nam		Kinh	27/02/1985	Bình Dương	Đại học	Luật	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Bình Dương	
		BÌNH PHƯỚC																	
615	1	Huỳnh Phú	Cường	Nam		Kinh	8/10/1985	Tây Ninh	Đại học	Luật	Anh B	Trung cấp		Chuyên viên Tổ chức-Hành chính	Tiếng anh		x	Bình Phước	
616	2	Ngô Ngọc Bình	Dương	Nam		Kinh	19/6/1995	Quảng Ninh	Đại học	Luật	Anh Toaic 510	Cam kết		Chuyên viên Tổ chức-Hành chính	Tiếng anh			Bình Phước	
617	3	Phạm Xuân	Đồng	Nam		Kinh	25/10/1979	Thái Bình	Đại học	Kinh tế -Luật	Anh B	B	Quân nhân xuất ngũ	KSVTT	Tiếng anh			Bình Phước	
618	4	Phạm Thị	Diên		Nữ	Kinh	19/01/1997	Thái Bình	Đại học	Luật	Anh Toaic 465	CNTTCB		KSVTT	Tiếng anh			Bình Phước	
619	5	Lê Xuân	Dũng	Nam		Kinh	16/07/1987	Thanh Hóa	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Anh B (CC tiếng M'Nông)	B		Chuyên viên Kế toán - Tổng hợp		x		Bình Phước	
620	6	Văn Nữ Thùy	Dương		Nữ	Kinh	27/8/1995	Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B1	B		Chuyên viên Tổ chức-Hành chính	Tiếng anh			Bình Phước	
621	7	Nguyễn Thị	Hoa		Nữ	Kinh	22/02/1987	Hải Phòng	Đại học	Luật	Anh B (CC tiếng M'Nông)	B		Chuyên viên Tổ chức-Hành chính		x		Bình Phước	

STT	STT	Họ và tên đệm	Tên	Giới tính		Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học		
622	8	Trần Đức	Hùng	Nam		Kinh	07/05/1991	Nghệ An	Đại học	Tài chính-Ngân hàng	Anh C; Chứng chỉ tiếng M'Nông	Văn phòng B		KSVTT		x		Bình Phước	
623	9	Đặng Duy	Hưng	Nam		Kinh	27/8/1981	Ninh Bình	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng anh			Bình Phước	
624	10	Nguyễn Thị Mỹ	Hương		Nữ	Kinh	10/11/1993	Nghệ An	Đại học	Luật	Anh B	B		Chuyên viên Tổ chức-Hành chính	Tiếng anh			Bình Phước	
625	11	Kiều Quang	Huy	Nam		Kinh	24/8/1997	Hà Nội	Đại học	Luật	Anh Toeic 510	CNTTCB		KSVTT	Tiếng anh			Bình Phước	
626	12	Trần Thị Ly	Kha		Nữ	Kinh	02/4/1979	Quảng Ngãi	Đại học	Luật	Anh B	A		KSVTT	Tiếng anh			Bình Phước	
627	13	Trần Văn	Kim	Nam		Kinh	22/02/1993	Bình Dương	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng anh			Bình Phước	
628	14	Phạm Quốc	Kỳ	Nam		kinh	06/02/1982	Bình Phước	Đại học	Luật	Anh B (CC tiếng M'Nông)	CNTTCB		KSVTT		x		Bình Phước	
629	15	Nguyễn Trần	Lê	Nam		Kinh	01/12/1981	Bình Phước	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng anh			Bình Phước	
630	16	Lê Ngọc Phương	Nam	Nam		Kinh	11/7/1987	Ngệ An	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng anh			Bình Phước	
631	17	Phạm Bá	Quý	Nam		Kinh	16/04/1983	Tây Ninh	Đại học	Luật	Anh bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng anh			Bình Phước	
632	18	Nguyễn Văn	Quyển	Nam		Kinh	16/12/1984	Hà Nội	Đại học	Tài chính-Ngân hàng	Anh B	B		KSVTT	Tiếng anh			Bình Phước	
633	19	Mai Xuân	Quyết	Nam		Kinh	01/8/1989	Thanh Hóa	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh Toeic 460	A		KSVTT	Tiếng anh			Bình Phước	
634	20	Nguyễn Chiến	Thắng	Nam		Kinh	24/01/1994	Thái Bình	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng anh			Bình Phước	
635	21	Đặng Thị Thanh	Thanh		Nữ	Kinh	18/11/1990	Ninh Bình	Đại học	Tài chính-Ngân hàng	Anh B	A	Con TB (2/3)	KSVTT	Tiếng anh			Bình Phước	
636	22	Hoàng Thị	Thuận		Nữ	Kinh	13/02/1988	Thái Bình	Đại học	Luật	Anh B	B		Chuyên viên Tổ chức-Hành chính	Tiếng anh			Bình Phước	
637	23	Lê Thị Diễm	Trang		Nữ	Kinh	26/01/1994	Bình Phước	Thạc sĩ	Kế toán	Anh B	B		Chuyên viên Kế toán - Tổng hợp	Tiếng anh			Bình Phước	
638	24	Tổng Thụy Khánh	Trình		Nữ	Kinh	30/01/1979	Bình Dương	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B (CC tiếng M'Nông)	B		KSVTT		x		Bình Phước	
639	25	Đỗ Chí	Trung	Nam		Kinh	01/02/1989	Thanh Hóa	Thạc sĩ	Kế toán	Anh B	A		Chuyên viên Kế toán - Tổng hợp	Tiếng anh			Bình Phước	
640	26	Nguyễn Tấn	Tú	Nam		Kinh	20/10/1991	Bình Phước	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng anh			Bình Phước	
641	27	Nguyễn Đình	Vinh	Nam		Kinh	07/5/1983	Thanh Hóa	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng anh			Bình Phước	
		CÀ MAU																	
642	1	Huỳnh Quốc	An	Nam		Kinh	10/04/1989	Cà Mau	Đại học	Luật	Anh B	Đại học		KSVTT	Tiếng Anh		x	Cà Mau	
643	2	Phạm Văn	Ẩn	Nam		Kinh	06/10/1978	Cà Mau	Đại học	Kinh tế - Luật	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Cà Mau	
644	3	Lâm Hoàn	Cầu	Nam		Kinh	17/10/1997	Cà Mau	Đại học	Luật Kinh tế	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Cà Mau	
645	4	Nguyễn Văn	Chiều	Nam		Kinh	1985	Bạc Liêu	Đại học	Công nghệ thông tin	Anh B	Đại học		KSVTT	Tiếng Anh		x	Cà Mau	

STT	STT	Họ và tên đệm		Giới tính		Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học		
646	5	Hồ Phước	Cường	Nam		Kinh	21/02/1985	Cà Mau	Đại học	Kế toán	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Cà Mau	
647	6	Lê Kiều	Diễm		Nữ	Kinh	24/10/1992	Cà Mau	Đại học	Tài chính-Ngân hàng	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Cà Mau	
648	7	Nguyễn Hoàng	Hiếu	Nam		Kinh	13/11/1986	Cà Mau	Đại học	Luật; Kế toán	Anh B1	CNTT Nâng cao		KSVTT	Tiếng Anh			Cà Mau	
649	8	Đoàn Võ Tấn	Khải	Nam		Kinh	04/05/1996	Cà Mau	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Cà Mau	
650	9	Huỳnh Văn	Lai	Nam		Kinh	10/01/1998	Cà Mau	Đại học	Luật	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Cà Mau	
651	10	Nguyễn Vũ	Lâm	Nam		Kinh	18/02/1990	Cà Mau	Đại học	Kế toán	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Cà Mau	
652	11	Nguyễn Thị	Liên		Nữ	Kinh	26/8/1990	Cà Mau	Đại học	Công nghệ thực phẩm	Anh C	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Cà Mau	
653	12	Hà Công Duy	Linh	Nam		Kinh	06/11/1988	Cà Mau	Đại học	Công nghệ thực phẩm	Đại học	B		KSVTT		x		Cà Mau	
654	13	Tô Nhật	Minh	Nam		Kinh	18/05/1995	Cà Mau	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Cà Mau	
655	14	Đỗ Hữu	Nghĩa	Nam		Kinh	17/08/1995	Cà Mau	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Cà Mau	
656	15	Trần Minh	Nhất	Nam		Kinh	02/02/1992	Bạc Liêu	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Anh B	A	Sĩ quan dự bị Bộ binh	KSVTT	Tiếng Anh			Cà Mau	
657	16	Trịnh Tổng	Phát	Nam		Kinh	07/6/1982	Cần Thơ	Đại học	Kinh tế - Luật	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Cà Mau	
658	17	Phạm Việt	Quốc	Nam		Kinh	12/05/1982	Cà Mau	Đại học	Kế toán	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Cà Mau	
659	18	Huỳnh Thúc	Quỳnh		Nữ	Kinh	16/12/1992	Cà Mau	Đại học	Luật	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Cà Mau	
660	19	Lê Trung	Thành	Nam		Kinh	23/12/1991	Thanh Hóa	Đại học	Kế toán	Anh B	B	HT nghĩa vụ quân sự	KSVTT	Tiếng Anh			Cà Mau	
661	20	Trần Phương	Thùy		Nữ	Kinh	17/04/1988	Cà Mau	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Cà Mau	
662	21	Thái Việt	Trình	Nam		Kinh	05/11/1993	Cà Mau	Đại học	Luật Kinh tế	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Cà Mau	
663	22	Lê Văn	Túc	Nam		Kinh	25/02/1973	Cà Mau	Đại học	Kế toán	Anh B1	B		KSVTT	Tiếng Anh			Cà Mau	
664	23	Nguyễn Trí	Tuệ	Nam		Kinh	14/08/1990	Bạc Liêu	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh B1	B		KSVTT	Tiếng Anh			Cà Mau	
665	24	Nguyễn Thanh	Tùng	Nam		Kinh	1/1/1970	Cà Mau	Đại học	Kinh tế - Luật	Anh B1	CNTTCB	Con liệt sỹ	KSVTT	Tiếng Anh			Cà Mau	
666	25	Dương Thanh	Tuyền		Nữ	Kinh	09/05/1996	Cà Mau	Đại học	Công nghệ thực phẩm	Anh B	Ứng dụng		KSVTT	Tiếng Anh			Cà Mau	
667	26	Phan Thúc	Vi		Nữ	Kinh	19/05/1987	Cà Mau	Thạc sĩ	Tài chính và Đầu tư (ĐT ở nước ngoài)	Anh B	A		KSVTT		x		Cà Mau	
		CẦN THƠ																	
668	1	Lý Ngọc	Bích		Nữ	Kinh	06/12/1987	Kiên Giang	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Anh B1	B		KSVTT	Tiếng Anh			Cần Thơ	
669	2	Trần Hữu	Có	Nam		Kinh	08/3/1988	Hậu Giang	Đại học	Luật	Anh B	B	Con TB	KSVTT	Tiếng Anh			Cần Thơ	
670	3	Trịnh Hoàng	Duy	Nam		Kinh	11/5/1993	Kiên Giang	Đại học	Luật	Anh A2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Cần Thơ	

STT	STT	Họ và tên đệm		Giới tính		Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học		
671	4	Lê Bạch	Đặng	Nam		Kinh	17/4/1990	Kiên Giang	Đại học	Luật kinh tế	Anh B	CNTT Nâng cao	HT nghĩa vụ quân sự	KSVTT	Tiếng Anh			Cần Thơ	
672	5	Nguyễn Văn	Đời	Nam		Kinh	02/9/1981	Hậu Giang	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Cần Thơ	
673	6	Trần Dương Hương	Giang		Nữ	Kinh	09/3/1998	Bến Tre	Đại học	Luật	Anh A2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Cần Thơ	
674	7	Lê Công	Hiếu	Nam		Kinh	08/6/1989	Cần Thơ	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Cần Thơ	
675	8	Châu Phước	Hưng	Nam		Kinh	10/9/1995	Cần Thơ	Đại học	Luật	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Cần Thơ	
676	9	Nguyễn Minh	Khởi	Nam		Kinh	09/12/1994	Vĩnh Long	Đại học	Luật	Anh B1	CNTT Nâng cao		KSVTT	Tiếng Anh			Cần Thơ	
677	10	Nguyễn Thị Thủy	My		Nữ	Kinh	12/02/1991	Sóc Trăng	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Cần Thơ	
678	11	Nguyễn Phan Thu	Ngân		Nữ	Kinh	14/6/1996	Hậu Giang	Đại học	Luật kinh tế	Anh A2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Cần Thơ	
679	12	Dương Kim	Ngân		Nữ	Kinh	13/01/1995	Bạc Liêu	Đại học	Luật	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Cần Thơ	
680	13	Mai Trương Ngọc	Ngân		Nữ	Kinh	20/11/1995	Hậu Giang	Đại học	Luật	Anh C	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Cần Thơ	
681	14	Phạm Công	Ngữ	Nam		Kinh	14/2/1984	Hậu Giang	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Cần Thơ	
682	15	Phan Thành	Nhân	Nam		Kinh	06/3/1991	Hậu Giang	Đại học	Luật kinh tế	Anh B	CNTT Nâng cao		KSVTT	Tiếng Anh			Cần Thơ	
683	16	Nguyễn Thị Yên	Nhi		Nữ	Kinh	15/11/1995	Trà Vinh	Đại học	Luật	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Cần Thơ	
684	17	Huỳnh Ngọc	Nhung		Nữ	Kinh	22/01/1988	Hậu Giang	Đại học	Luật	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Cần Thơ	
685	18	Nguyễn Bảo	Ni		Nữ	Kinh	01/01/1996	Long An	Đại học	Luật kinh tế	Anh A2	B		KSVTT	Tiếng Anh			Cần Thơ	
686	19	Trần Vũ Lam Sơn Phú	Quý	Nam		Kinh	25/5/1990	Trà Vinh	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Cần Thơ	
687	20	Nguyễn Thị Lệ	Quyên		Nữ	Kinh	19/6/1986	Thái Nguyên	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh	văn bằng nước ngoài, đào tạo bằng tiếng Anh)	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh	x		Cần Thơ	
688	21	Nguyễn Thị Mai	Sang		Nữ	Kinh	12/11/1993	Cần Thơ	Đại học	Luật	Anh A2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Cần Thơ	
689	22	Lê Thị Phương	Thảo		Nữ	Kinh	06/6/1996	An Giang	Đại học	Luật	Anh B2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Cần Thơ	
690	23	Huỳnh Thị Thu	Thảo		Nữ	Kinh	20/4/1995	An Giang	Thạc sĩ	Luật kinh tế	Anh B2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Cần Thơ	
691	24	Trương Thị Quỳnh	Trang		Nữ	Mường	12/4/1995	Thanh Hóa	Đại học	Luật	SP Tiếng Pháp	CNTTCB	DT Mường	KSVTT		x		Cần Thơ	
692	25	Mai Hữu	Ước	Nam		Kinh	21/4/1992	Hậu Giang	Đại học	Luật	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Cần Thơ	
		ĐỒNG THÁP																	
693	1	Huỳnh Thị	Diễm		Nữ	Kinh	29/5/1995	Đồng Tháp	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Đồng Tháp	
694	2	Nguyễn Hữu	Đồng	Nam		Kinh	10/10/1981	Đồng Tháp	Đại học	Hành chính học	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Đồng Tháp	

STT	STT	Họ và tên đệm		Giới tính		Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học		
695	3	Đoàn Thủy	Hằng		Nữ	Kinh	24/10/1989	Đồng Tháp	Đại học	Khoa học thư viện	Anh B	A		Chuyên viên Văn thư - Lưu trữ	Tiếng Anh			Đồng Tháp	
696	4	Lê Nguyễn	Khánh	Nam		Kinh	31/3/1995	Đồng Tháp	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Đồng Tháp	
697	5	Trần Ngọc	Khuong	Nam		Kinh	11/6/1989	Đồng Tháp	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Đồng Tháp	
698	6	Nguyễn Thanh	Long	Nam		Kinh	17/01/1980	Đồng Tháp	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh	Anh B1	A		KSVTT	Tiếng Anh			Đồng Tháp	
699	7	Mai Văn	Nuôi	Nam		Kinh	03/7/1984	Hầu Giang	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Đồng Tháp	
700	8	Nguyễn Thị Huỳnh	Nhung		Nữ	Kinh	16/7/1992	Đồng Tháp	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Đồng Tháp	
701	9	Phạm Minh	Ngọc	Nam		Kinh	26/3/1987	Nghệ An	Đại học	Luật	Anh bậc 3 CC tiếng Thái	CNTTCB		KSVTT		x		Đồng Tháp	
702	10	Phan Khắc	Siêu	Nam		Kinh	04/7/1988	Đồng Tháp	Đại học	Quản trị kinh doanh (TN tại nước ngoài)		Trung cấp		KSVTT		x	x	Đồng Tháp	
703	11	Lê Thái	Son	Nam		Kinh	07/5/1989	Đồng Tháp	Đại học	Luật	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Đồng Tháp	
704	12	Lưu Bá	Trung	Nam		Kinh	20/9/1997	Hà Nội	Đại học	Kế toán	Cc tiếng Mông	CNTTCB		KSVTT		x		Đồng Tháp	
705	13	Nguyễn Văn Phước	Tiến	Nam		Kinh	23/12/1986	Đồng Tháp	Đại học	Luật	Anh B	B	Bộ đội xuất ngũ	KSVTT	Tiếng Anh			Đồng Tháp	
		ĐỒNG NAI																	
706	1	Lê Trần Thụy	An		Nữ	Kinh	21/09/1997	Nghệ An	Đại học	Phòng cháy CC và cứu hộ cứu nạn	Anh B1	Trung cấp		KSVTT	Tiếng Anh		x	Đồng Nai	
707	2	Trịnh Trần Minh	Đức	Nam		Kinh	21/12/1995	Ninh Bình	Đại học	Luật kinh tế	Anh IELTS B2	Digital Marketing Course		KSVTT	Tiếng Anh			Đồng Nai	Xem xét ĐK Tin
708	3	Mai Thị	Hà		Nữ	Kinh	14/02/1983	Quảng Bình	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	Văn phòng B		KSVTT	Tiếng Anh			Đồng Nai	
709	4	Cổ Văn	Hải	Nam		Kinh	10/05/1978	Quảng Trị	Đại học	Luật	Anh B	Văn phòng B		KSVTT	Tiếng Anh			Đồng Nai	
710	5	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam		Kinh	17/02/1996	Vinh Phúc	Đại học	Tài chính Doanh nghiệp	Chuẩn đầu ra	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Đồng Nai	
711	6	Cao Văn	Hoàng	Nam		Kinh	25/12/1991	Quảng Ngãi	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	Cao đẳng		KSVTT	Tiếng Anh		x	Đồng Nai	
712	7	Trần Nam	Phong	Nam		Kinh	25/10/1982	Hà Tĩnh	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Đồng Nai	
713	8	Lê Hoàng	Phương	Nam		Kinh	17/10/1993	Bà Rịa-Vũng Tàu	Đại học	Luật kinh tế	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Đồng Nai	
		HẬU GIANG																	
714	1	Lê Kiên	Cường	Nam		Kinh	28/6/1984	Kiên Giang	Đại học	Luật	Anh B1	A		KSVTT	Tiếng Anh			Hậu Giang	
715	2	Nguyễn Văn Sơn	Em	Nam		Kinh	20/10/1970	Hậu Giang	Đại học	Luật	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Hậu Giang	
716	3	Lê Nguyễn Hà	Giang		Nữ	Kinh	03/6/1988	Hậu Giang	Đại học	Luật	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Hậu Giang	
717	4	Mai Văn	Giới	Nam		Kinh	21/7/1995	Hậu Giang	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hậu Giang	

STT	STT	Họ và tên đệm		Giới tính		Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học		
718	5	Ung Quốc	Hải	Nam		Hoa	28/02/1989	Hậu Giang	Đại học	Luật	Anh B	CNTT Nâng cao		KSVTT	Tiếng Anh			Hậu Giang	
719	6	Đỗ Anh	Kiệt	Nam		Kinh	25/7/1984	Cần Thơ	Đại học	Luật	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Hậu Giang	
720	7	Trần Quốc	Nam	Nam		Kinh	29/5/1985	Hậu Giang	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hậu Giang	
721	8	Danh Thành	Phát	Nam		Khmer	12/02/1996	Kiên Giang	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Hậu Giang	Xem xét miễn NN
722	9	Hồ Thị Á	Tiên		Nữ	Kinh	03/10/1994	Hậu Giang	Đại học	Luật	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Hậu Giang	
723	10	Lê Thị Minh	Tơ		Nữ	Kinh	17/5/1993	Hậu Giang	Đại học	Luật	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Hậu Giang	
724	11	Nguyễn Đức	Tuấn	Nam		Kinh	18/5/1986	Kiên Giang	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Hậu Giang	
		LONG AN																	
725	1	Nguyễn Việt	Anh	Nam		Kinh	17/3/1996	Nghệ An	Đại học	Du lịch	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Long An	
726	2	Nguyễn Thị Cẩm	Giang		Nữ	Kinh	28/5/1997	Long An	Đại học	Luật	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Long An	
727	3	Lê Quế	Minh		Nữ	Kinh	05/3/1993	Long An	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B1	B		KSVTT	Tiếng Anh			Long An	
728	4	Hồ Văn	Thanh	Nam		Kinh	8/5/1988	Long An	Đại học	Luật	A2	CNTTCB	Bộ đội xuất ngũ	KSVTT	Tiếng Anh			Long An	
729	5	Nguyễn Thanh	Tuấn	Nam		Kinh	5/5/1997	Long An	Đại học	Kinh tế Luật	B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Long An	
730	6	Phạm Mạnh	Tuấn	Nam		Kinh	09/9/1992	Kiên Giang	Đại học	Tài chính-Ngân hàng	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Long An	
731	7	Trần Hoàng	Vũ	Nam		Kinh	08/02/1992	Long An	Đại học	QLNN	B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Long An	
		SÓC TRĂNG																	
732	1	Phạm Lâm Kim	Anh		Nữ	Khmer	18/3/1990	Sóc Trăng	Đại học	Luật	Anh B	A	Người DT	KSVTT		x		Sóc Trăng	
733	2	Nguyễn Thị Thủy	Dung		Nữ	Kinh	19/3/1993	Sóc Trăng	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Sóc Trăng	
734	3	Cao Trương Minh	Dũng	Nam		Khmer	25/10/1988	Sóc Trăng	Đại học	Luật	Anh B	A	Người DT	KSVTT		x		Sóc Trăng	
735	4	Nguyễn Thành	Đình	Nam		Kinh	29/10/1986	Sóc Trăng	Đại học	Quản lý tài nguyên và Môi trường	Anh B	B	Hoàn thành nghĩa vụ	KSVTT	Tiếng Anh			Sóc Trăng	
736	5	Lê Thị Cẩm	Đoan		Nữ	Kinh	20/3/1996	Sóc Trăng	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Sóc Trăng	
737	6	Nguyễn Thị Kiều	Đoan		Nữ	Kinh	23/9/1997	Sóc Trăng	Đại học	Luật	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Sóc Trăng	
738	7	Son Thị Hồng	Gám		Nữ	Khmer	18/01/1995	Sóc Trăng	Đại học	Quản lý đất đai	Anh B	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Sóc Trăng	
739	8	Nguyễn Duy	Hiển	Nam		Kinh	16/5/1986	Sóc Trăng	Thạc sĩ	Luật hình sự và tổ tụng hình sự	Chứng chỉ năng lực tiếng Anh	B		KSVTT	Tiếng Anh			Sóc Trăng	
740	9	Trần Thị Ngọc	Huyền		Nữ	Khmer	09/2/1997	Sóc Trăng	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB	Người DT	KSVTT		x		Sóc Trăng	
741	10	Nguyễn Nhứt	Huynh	Nam		Kinh	25/9/1997	Sóc Trăng	Đại học	Kế toán	Anh B1	CNTT Nâng cao		KSVTT	Tiếng Anh			Sóc Trăng	

STT	STT	Họ và tên đệm		Giới tính		Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học		
742	11	Nguyễn Lê	Khanh	Nam			17/3/1994	Hậu Giang	Đại học	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Anh Toeic	A		KSVTT	Tiếng Anh			Sóc Trăng	
743	12	Hà Thanh	Liêm	Nam		Kinh	01/01/1990	Hậu Giang	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	CNTTCB		KSVTT		x		Sóc Trăng	
744	13	Phan Nhật	Linh	Nam		Kinh	11/3/1995	Sóc Trăng	Đại học	Quản lý đất đai	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Sóc Trăng	
745	14	Ngô Thị Tỏ	Loan		Nữ	Kinh	07/11/1983	Sóc Trăng	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Sóc Trăng	
746	15	Phạm Văn	Mạnh	Nam		Kinh	02/9/1993	Sóc Trăng	Đại học	Luật	Anh B1	B	Hoàn thành nghĩa vụ	KSVTT	Tiếng Anh			Sóc Trăng	
747	16	Lê Thành	Nga	Nam		Kinh	23/05/1988	Sóc Trăng	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Anh B1	B	Hoàn thành nghĩa vụ	KSVTT	Tiếng Anh			Sóc Trăng	
748	17	Lưu Hữu	Nghĩa	Nam		Kinh	02/11/1994	Sóc Trăng	Đại học	Luật	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Sóc Trăng	
749	18	Danh Chí	Phong	Nam		Khmer	16/5/1991	Sóc Trăng	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh B	B	Người DT	KSVTT		x		Sóc Trăng	
750	19	Ong Văn	Qui	Nam		Kinh	28/12/1991	Sóc Trăng	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Sóc Trăng	
751	20	Lê Văn	Thắng	Nam		Kinh	11/6/1983	Sóc Trăng	Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp	Anh B1 (Giấy chứng nhận)	B		KSVTT	Tiếng Anh			Sóc Trăng	
752	21	Mai Hoài	Thanh	Nam		Kinh	24/11/1991	Hậu Giang	Đại học	Sư phạm Sinh học	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Sóc Trăng	
753	22	Hồ Thị Đông	Thị		Nữ	Kinh	02/8/1995	Sóc Trăng	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Sóc Trăng	
754	23	Nguyễn Đức	Thịnh	Nam		Kinh	17/11/1989	Sóc Trăng	Đại học	Kế toán	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Sóc Trăng	
755	24	Huỳnh Lê Anh	Thư		Nữ	Kinh	21/12/1997	Bạc Liêu	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Sóc Trăng	
756	25	Nguyễn Thị Mộng	Thúy		Nữ	Kinh	01/01/1987	Sóc Trăng	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Sóc Trăng	
757	26	Nguyễn Hoàng	Tính	Nam		Kinh	27/6/1992	Bạc Liêu	Thạc sĩ	Phát triển nông thôn	Anh B1	A		KSVTT	Tiếng Anh			Sóc Trăng	
758	27	Võ Thị Y	Trần		Nữ	Kinh	12/10/1995	Sóc Trăng	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Sóc Trăng	
759	28	Khuu Khải	Trí	Nam		Kinh	15/12/1981	Sóc Trăng	Thạc sĩ	Vật lý Kỹ thuật	Anh C	A		KSVTT	Tiếng Anh			Sóc Trăng	
760	29	Lê Nhật	Trường	Nam		Kinh	13/01/1991	Sóc Trăng	Đại học	Luật	Anh A	B		KSVTT	Tiếng Anh			Sóc Trăng	
761	30	Lữ Bảo	Tuấn	Nam		Hoa	23/6/1991	Sóc Trăng	Đại học	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	Anh B	B	Người DT	KSVTT		x		Sóc Trăng	
762	31	Trương Hoàng	Vũ	Nam		Kinh	19/10/1996	Sóc Trăng	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Sóc Trăng	
763	32	Thái Tường	Vy		Nữ	Kinh	06/3/1993	Sóc Trăng	Đại học	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Sóc Trăng	
764	33	Lê Thị Thanh	Xuân		Nữ	Kinh	15/5/1994	Sóc Trăng	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Sóc Trăng	
		TP. HỒ CHÍ MINH																	
765	1	Ngô Bảo	An		Nữ	Kinh	22/12/1994	Thái Bình	Đại học	Tài chính - Ngân hàng; Luật	Toeic 400	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
766	2	Lê Nguyễn Diệp	Anh		Nữ	Kinh	14/7/1996	An Giang	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh TOEIC	CNTTCB		Chuyên viên Kế toán - Tổng hợp	Tiếng Anh			TP. HCM	

STT	STT	Họ và tên đệm		Giới tính		Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học		
767	3	Phạm Hoàng Tuấn	Anh	Nam		Kinh	27/4/1987	Tây Ninh	Đại học	Khoa học máy tính	Anh Bậc 3	Kỹ sư		Chuyên viên CNTT	Tiếng Anh		x	TP. HCM	
768	4	Trần Tuấn	Anh	Nam		Kinh	03/5/1981	Nam Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
769	5	Nguyễn Hoàng	Anh	Nam		Kinh	10/10/1983	Bình Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh C	A		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
770	6	Lê Thị Tú	Anh		Nữ	Kinh	11/8/1997	Quảng Trị	Đại học	Luật	Toeic 475	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
771	7	Huỳnh Hoàng	Ba	Nam		Kinh	26/6/1987	Hậu Giang	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
772	8	Mai Thị	Bình		Nữ	Kinh	20/5/1992	Quảng Ngãi	Đại học	Luật	Anh Bậc 3	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
773	9	Phạm Văn	Chấn	Nam		Kinh	22/01/1984	Nghệ An	Đại học	Cơ khí Chế tạo máy	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
774	10	Phan Hoàng Băng	Châu		Nữ	Kinh	11/3/1991	Tiền Giang	Đại học	Luật	Anh B	A		Chuyên viên Văn thư - Lưu trữ	Tiếng Anh			TP. HCM	
775	11	Nguyễn Thị Kim	Chi		Nữ	Kinh	12/11/1996	Tây Ninh	Đại học	Quản lý nhà nước	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
776	12	Nguyễn Trần Hồng	Chi		Nữ	Kinh	17/3/1989	Bình Định	Thạc sĩ	Kế toán	Anh Bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
777	13	Trần Thị Linh	Chi		Nữ	Kinh	24/02/1995	Hải Dương	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh (TN ở nước ngoài)		Cam kết		KSVTT		x		TP. HCM	
778	14	Trần Văn	Chương	Nam		Kinh	17/7/1982	Hà Tĩnh	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Đại học	A		KSVTT		x		TP. HCM	
779	15	Phạm Đức	Cường	Nam		Kinh	10/3/1985	Hải Dương	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Anh C	Văn phòng B		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
780	16	Đặng Lê	Cường	Nam		Kinh	16/7/1983	Thái Bình	Đại học	Quản trị kinh doanh	Cam kết	A		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
781	17	Nguyễn Hoàng	Dư	Nam		Kinh	25/12/1994	Đồng Tháp	Đại học	Địa chất học	Toeic 600	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
782	18	Trần Thị Thủy	Dung		Nữ	Kinh	17/3/1997	Hà Tĩnh	Đại học	Kinh tế	Anh B	C		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
783	19	Vương Tiến	Dũng	Nam		Kinh	09/6/1990	Lạng Sơn	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
784	20	Nguyễn Lâm	Dũng	Nam		Kinh	02/7/1995	Vĩnh Phúc	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	TN tại nước ngoài	THCN		KSVTT		x	x	TP. HCM	
785	21	Đỗ Văn Kim	Dũng	Nam		Kinh	23/02/1989	Long An	Đại học	Luật học	Anh B	B	Hoàn thành NV trong CAND	KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
786	22	Đinh Xuân	Dương	Nam		Kinh	18/02/1991	Ninh Bình	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
787	23	Đoàn Minh	Dương	Nam		Kinh	15/01/1991	Nam Định	Đại học	Quản lý nhà nước	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
788	24	Đinh Quang	Duy	Nam		Kinh	26/9/1995	Bắc Giang	Đại học	Luật	Anh B	Tin học B		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
789	25	Trần Khánh	Duy	Nam		Kinh	01/10/1994	Hà Nội	Đại học	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
790	26	Hoàng Trần Quốc	Duy	Nam		Kinh	05/9/1989	TP.HCM	Đại học	Tài chính-Ngân hàng	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
791	27	Bùi Việt	Đại	Nam		Kinh	12/12/1993	Quảng Nam	Đại học	Luật	Anh B	CNTT Nâng cao		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
792	28	Nguyễn Bá	Đạt	Nam		Kinh	20/10/1993	Bắc Ninh	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	

STT	STT	Họ và tên đệm		Giới tính		Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học		
793	29	Võ Trung	Đông	Nam		Kinh	17/4/1978	Ninh Thuận	Đại học	Tài chính - Ngân hàng; Kinh tế nông lâm	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
794	30	Nguyễn Hoàng	Em	Nam		Kinh	30/4/1986	Đồng Tháp	Đại học	Công nghệ thực phẩm	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
795	31	Nguyễn Thị	Giang		Nữ	Kinh	29/11/1987	Nghệ An	Đại học	Luật	Toeic 420	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
796	32	Lý Thị Thu	Hà		Nữ	Sán đùu	28/9/1997	Quảng Ninh	Đại học	Kinh tế	TOEIC 755	CNTTCB	Người DT	KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
797	33	Vũ Đức	Hải	Nam		Kinh	20/5/1996	Hà Nam	Đại học	Quan hệ công chúng	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
798	34	Bùi Minh	Hạnh		Nữ	Kinh	15/4/1966	Thái Bình	Đại học	Quản lý nhà nước	Toeic 655	CNTTCB		Chuyên viên Văn thư - Lưu trữ	Tiếng Anh			TP. HCM	
799	35	Trương Thị Hồng	Hạnh		Nữ	Kinh	20/02/1988	Tiền Giang	Đại học	Kế toán	Anh B	B		Chuyên viên Kế toán	Tiếng Anh			TP. HCM	
800	36	Hồ Hoàn	Háo	Nam		Kinh	11/6/1993	Bình Dương	Đại học	Quản lý nhà nước	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
801	37	Trần Thị Thái	Hòa		Nữ	Kinh	08/3/1994	Nam Định	Đại học	Văn học	Anh C	C		CV làm nv TH, TCHC, KT, VT.	Tiếng Anh			TP. HCM	
802	38	Trần Phan Huệ	Hiền		Nữ	Kinh	30/01/1985	TP.HCM	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
803	39	Nguyễn Minh	Hiệp	Nam		Kinh	11/9/1987	Đồng Nai	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
804	40	Nguyễn Trọng	Hiếu	Nam		Kinh	30/5/1995	Khánh Hòa	Đại học	Kỹ thuật điện tử, truyền thông	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
805	41	Lê Thị Tuyết	Hoa		Nữ	Kinh	05/01/1990	Đà Nẵng	Đại học	Luật, Tài chính ngân hàng	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
806	42	Trần Thị Hải	Hòa		Nữ	Kinh	20/4/1990	Thái Bình	Đại học	Báo chí	Toeic 403	A		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
807	43	Mạc Ngọc	Hoài		Nữ	Kinh	07/01/1998	Hải Phòng	Đại học	Luật	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
808	44	Nguyễn Vương	Hoàng	Nam		Kinh	27/12/1988	Hà Nội	Thạc sĩ	Luật, Kinh tế, Quản lý (TN tại nước ngoài)		CNTTCB		KSVTT		x		TP. HCM	
809	45	Nguyễn Đức	Hùng	Nam		Kinh	26/7/1998	Thái Bình	Đại học	Luật	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
810	46	Nguyễn Doãn	Hùng	Nam		Kinh	17/7/1994	Nghệ An	Đại học	Quản lý nhà nước	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
811	47	Trần Hải	Hưng	Nam		Kinh	07/3/1986	Nam Định	Thạc sĩ	Xây dựng Sân bay	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
812	48	Nguyễn Việt	Hùng	Nam		Kinh	15/8/1982	Hưng Yên	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
813	49	Bùi Quang	Huy	Nam		Kinh	30/4/1989	Bến Tre	Đại học	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Anh C	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
814	50	Nguyễn Thúc	Huy	Nam		Kinh	10/8/1976	Nghệ An	Đại học	Công trình Thủy lợi	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
815	51	Võ Ngọc Quốc	Huy	Nam		Kinh	03/10/1982	Long An	Đại học	Tài chính-Ngân hàng	Toeic 615	Đại học		KSVTT	Tiếng Anh		x	TP. HCM	
816	52	Nguyễn Thị Thu	Nhung		Nữ	Kinh	12/4/1983	Bình Dương	Đại học	Lưu trữ và Quản trị văn phòng	Anh B	B		Chuyên viên Văn thư - Lưu trữ	Tiếng Anh			TP. HCM	
817	53	Dương Thị	Hương		Nữ	Kinh	13/02/1993	Quảng Bình	Đại học	Kỹ sư Công nghệ thực phẩm	Anh B1	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
818	54	Lê Thị Xuân	Hương		Nữ	Kinh	19/11/1980	Bến Tre	Đại học	Luật	Anh B	B	Con TB	KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	

STT	STT	Họ và tên đệm		Giới tính		Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học		
819	55	Nguyễn Vũ	Khắc	Nam		Kinh	10/10/1988	Hậu Giang	Đại học	Kinh tế Kế toán kiểm toán	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
820	56	Đặng Quốc	Khánh	Nam		Kinh	02/9/1985	TP.HCM	Đại học	Kế hoạch tài chính (TN tại nước ngoài)		CNTTCB		KSVTT		x		TP. HCM	
821	57	Lý Vĩnh	Khiêm	Nam		Kinh	23/01/1990	Bình Định	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
822	58	Võ Hoàng Đăng	Khoa	Nam		Kinh	04/4/1995	TP.HCM	Đại học	Quản lý nhà nước	Anh C	CNTTCB		Chuyên viên Văn thư - Lưu trữ	Tiếng Anh			TP. HCM	
823	59	Dụng Nhật	Khoa	Nam		Chăm	16/03/1996	Bình Thuận	Đại học	Luật	Toeic 500	CNTTCB	Người DT	KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
824	60	Nguyễn Mai	Lan		Nữ	Kinh	05/3/1990	Hưng Yên	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh Bậc 3	CNTTCB		Chuyên viên Kế toán - Tổng hợp	Tiếng Anh			TP. HCM	
825	61	Hoàng Thị Hoa	Lê		Nữ	Kinh	02/02/1987	Nghệ An	Thạc sĩ	Luật	Anh Bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
826	62	Dương Bảo	Linh	Nam		Kinh	12/02/1990	Thanh Hóa	Đại học	Kinh tế	Anh bậc 2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
827	63	Trần Thị Nhật	Linh			Kinh	17/11/1994	Hưng Yên	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
828	64	Đỗ Thị	Liên		Nữ	Kinh	10/02/1995	Quảng Trị	Đại học	Khoa học thư viện	TOEFL IPT	CNTTCB		Chuyên viên Văn thư - Lưu trữ	Tiếng Anh			TP. HCM	
829	65	Đỗ Thị Thùy	Liên		Nữ	Kinh	13/12/1998	Nam Định	Đại học	Kế toán	TOEIC 380	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
830	66	Vũ Diệu Khánh	Linh		Nữ	Kinh	17/3/1993	Thanh Hóa	Đại học	Kế toán	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
831	67	Vì Diệp	Linh		Nữ	Tây	08/07/1998	Lạng Sơn	Đại học	Kinh tế đối ngoại	TOEIC 755	IC3	Người DT	KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
832	68	Trịnh Công Tuấn	Linh	Nam		Kinh	05/02/1996	Thái Bình	Đại học	Tài chính ngân hàng	Toeic 455	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
833	69	Văn Công	Linh	Nam		Kinh	05/8/1997	Quảng Nam	Đại học	Luật	Toeic 580	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
834	70	Trần Thị Ngọc	Linh		Nữ	Kinh	28/9/1992	Long An	Đại học	Kế toán	Anh C	B		Chuyên viên Kế toán - Tổng hợp	Tiếng Anh			TP. HCM	
835	71	Trần Lê Phương	Linh		Nữ	Kinh	31/12/1997	Bạc Liêu	Đại học	Luật	Toeic 455	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
836	72	Trương Kim	Loan		Nữ	Kinh	25/01/1989	TP.HCM	Đại học	Luật, QTKD	TOEIC 420	A		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
837	73	Nguyễn Phương Tài	Lộc	Nam		Kinh	12/6/1992	Đồng Tháp	Thạc sĩ	Luật kinh tế	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
838	74	Nguyễn Trương Kim	Lộc		Nữ	Kinh	29/3/1998	Hà Nội	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Anh Bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
839	75	Trần Hữu	Lộc	Nam		Kinh	26/02/1996	An Giang	Đại học	Quản lý nhà nước	Anh B	CNTT Năng cao		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
840	76	Trần Tuấn	Lộc	Nam		Kinh	06/5/1995	Cà Mau	Đại học	Quản lý nhà nước	Anh B	B		Chuyên viên Văn thư - Lưu trữ	Tiếng Anh			TP. HCM	
841	77	Hoàng Thanh	Long	Nam		Kinh	18/5/1986	Lâm Đồng	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh B	A	Con TB 3/4	Chuyên viên Kế toán	Tiếng Anh			TP. HCM	
842	78	Đinh Mã Thiên	Long	Nam		Kinh	15/6/1990	Quảng Bình	Đại học	Kế toán (TN tại nước ngoài)		CNTTCB		KSVTT		x		TP. HCM	
843	79	Hứa Hoàng	Long	Nam		Kinh	10/4/1990	TP.HCM	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
844	80	Đào Thanh	Long	Nam		Kinh	27/4/1978	Hà Nội	Đại học	Kế toán	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	

STT	STT	Họ và tên đệm		Giới tính		Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học		
845	81	Phan Văn	Long	Nam		Kinh	22/11/1990	Tiền Giang	Đại học	Luật học	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
846	82	Ngô Đức	Long	Nam		Kinh	05/01/1992	Nam Định	Đại học	Luật dân sự	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
847	83	Võ Thị Thiên	Lý		Nữ	Kinh	31/10/1988	TP.HCM	Đại học	Kinh tế	Anh B	CNITTCB	Con TB	KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
848	84	Nguyễn Ngọc	Mỹ	Nam		Kinh	20/01/1989	Nghệ An	Đại học	Khoa học máy tính	Anh C	Kỹ sư		KSVTT	Tiếng Anh		x	TP. HCM	
849	85	Trần Minh	Nam	Nam		Kinh	18/8/1995	Đồng Tháp	Đại học	Kỹ thuật môi trường	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
850	86	Nguyễn Trang Mỹ	Nga		Nữ	Kinh	02/3/1995	TP.HCM	Đại học	Luật	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
851	87	Đặng Thị	Nga		Nữ	Kinh	21/01/1991	Hà Tĩnh	Đại học	Công nghệ thực phẩm	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
852	88	Nguyễn Thị	Ngân		Nữ	Kinh	24/10/1998	Hải Phòng	Đại học	Luật	Anh B1	CNITTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
853	89	Nguyễn Thị Hải	Ngọc		Nữ	Kinh	19/02/1991	Hà Tĩnh	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
854	90	Võ Hoàng	Nguyễn	Nam		Kinh	14/6/1994	Đồng Nai	Đại học	Kế toán	Anh B1	CNTT Nâng cao		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
855	91	Nguyễn Thị Thái	Nguyễn		Nữ	Kinh	17/12/1996	TP.HCM	Đại học	Quản trị kinh doanh	Toeic 540	CNITTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
856	92	Trần Loan	Nha		Nữ	Kinh	10/10/1992	Cà Mau	Đại học	Quản lý nhà nước; Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
857	93	Nguyễn Thị Ngọc Yến	Nhi		Nữ	Kinh	12/02/1995	TP.HCM	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B2	CNITTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
858	94	Trần Thúy Quỳnh	Như		Nữ	Kinh	20/9/1997	An Giang	Đại học	Quản lý nhà nước	Anh B	CNITTCB		Chuyên viên Văn thư - Lưu trữ	Tiếng Anh			TP. HCM	
859	95	Lê Thị Hồng	Nhung		Nữ	Kinh	12/01/1995	Thanh Hóa	Đại học	Kế toán	TOEIC 400-450	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
860	96	Nguyễn Thị	Nhung		Nữ	Tày	19/6/1989	Thái Nguyên	Đại học	Kinh tế	Toeic 367	CNITTCB	Người DT	KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
861	97	Nguyễn Thị Tuyết	Nhuong		Nữ	Kinh	07/3/1986	Hậu Giang	Đại học	Viết Nam học	Anh Bậc 4	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
862	98	Trần Xuân	Phấn	Nam		Kinh	13/11/1991	Nam Định	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
863	99	Vì Tấn	Phát	Nam		Kinh	19/12/1980	Bến Tre	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	Chuyên viên CNTT	Hoàn thành NVQS	KSVTT	Tiếng Anh		x	TP. HCM	
864	100	Phạm Hồng	Phú	Nam		Kinh	30/10/1981	Tiền Giang	Đại học	Luật	Anh B	Trung cấp		KSVTT	Tiếng Anh		x	TP. HCM	
865	101	Nguyễn Lê	Phúc	Nam		Kinh	10/10/1990	TP.HCM	Đại học	Luật	Anh Bậc 2	CNITTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
866	102	Huỳnh Minh	Phúc	Nam		Kinh	06/10/1987	An Giang	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Đại học	B		KSVTT		x		TP. HCM	
867	103	Nguyễn Mai	Phuong		Nữ	Kinh	29/5/1991	Nam Định	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Đại học	CNITTCB		KSVTT		x		TP. HCM	
868	104	Dương Quỳnh	Phuong		Nữ	Mường	20/3/1998	Hòa Bình	Đại học	Luật	Anh B1	CNITTCB	Người DT	KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
869	105	Trần Ngọc	Phuong		Nữ	Kinh	11/7/1996	TP.HCM	Đại học	Luật	Toeic 565	CNITTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
870	106	Phan Thế	Phuong	Nam		Kinh	22/11/1986	TP.HCM	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	CNITTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	

STT	STT	Họ và tên đệm	Tên	Giới tính		Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học		
871	107	Nguyễn Thị Thu	Phuong		Nữ	Kinh	05/4/1997	TP.HCM	Đại học	Quản lý nhà nước	Anh Bậc 3	CNTT Nâng cao		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
872	108	Trần Hoài	Phuong	Nam		Kinh	11/9/1990	TP.HCM	Đại học	Luật; QTKD	Toeic 445	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
873	109	Lê Thị	Phuong		Nữ	Kinh	14/9/1987	Thanh Hóa	Đại học	Hành chính học	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
874	110	Đặng Hoài	Phuong	Nam		Kinh	29/6/1995	Vĩnh Long	Đại học	Luật	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
875	111	Đồng	Quin	Nam		Kinh	12/11/1994	Quảng Nam	Thạc sỹ	Công nghệ Hóa học (TN tại nước ngoài)		CNTTCB		KSVTT		x		TP. HCM	
876	112	Nguyễn Mạnh	Quốc	Nam		Kinh	17/10/1986	Quảng Nam	Đại học	Kinh tế	IELTS (B2)	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
877	113	Trần Anh	Quốc	Nam		Kinh	29/10/1993	TP.HCM	Đại học	Luật kinh tế	Toeic 435	CD Truyền thông và mạng máy tính		KSVTT	Tiếng Anh		x	TP. HCM	
878	114	Nguyễn Anh	Quốc	Nam		Kinh	06/10/1993	TP.HCM	Đại học	Quản lý đất đai	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
879	115	Nguyễn Xuân	Quyền	Nam		Kinh	04/10/1984	TP.HCM	Đại học	Luật học	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
880	116	Huỳnh Như	Quỳnh		Nữ	Kinh	26/10/1995	Khánh Hòa	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Toeic 545	B		Chuyên viên Kế toán - Tổng hợp	Tiếng Anh			TP. HCM	
881	117	Nguyễn Đình Quốc	Sang	Nam		Kinh	05/11/1995	Nghệ An	Đại học	Luật	Toeic 485	A		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
882	118	Phạm Quang	Sáng	Nam		Kinh	09/3/1994	Vĩnh Phúc	Đại học	Quản trị kinh doanh	Toeic 445	CNTTCB	Con người nhiễm CĐHD	KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
883	119	Bùi Ngọc Thái	Son	Nam		Kinh	09/7/1988	Hà Nội	Đại học	Luật học	Anh A2	CNTTCB	Hoàn thành NV trong CAND	KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
884	120	Nguyễn Viết	Son	Nam		Kinh	18/11/1980	Hưng Yên	Thạc sĩ	Khoa học An ninh và trật tự xã hội	Anh B1	CNTT Nâng cao	Con TB	KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
885	121	Phạm Văn	Tài	Nam		Kinh	24/9/1990	Thanh Hóa	Đại học	Hóa học	Anh B1	A		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
886	122	Tô Phước	Tài	Nam		Kinh	05/01/1996	Đồng Tháp	Đại học	Quản lý nhà nước	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
887	123	Lê Tấn	Tài	Nam		Kinh	10/02/1992	TP.HCM	Đại học	Giáo dục chính trị	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
888	124	Nguyễn Thị Minh	Tâm		Nữ	Kinh	22/11/1987	TP.HCM	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
889	125	Nguyễn Thành	Tâm	Nam		Kinh	20/6/1987	Bến Tre	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
890	126	Trà Thanh	Tâm	Nam		Kinh	12/7/1994	TP.HCM	Đại học	Quản lý đất đai	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
891	127	Phạm Ngọc	Thắng	Nam		Kinh	15/4/1987	Quảng Ngãi	Đại học	QTKD Quốc tế	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
892	128	Nguyễn Chí	Thanh	Nam		Kinh	25/7/1993	TP.HCM	Đại học	Kế toán	Anh B	A		Chuyên viên Kế toán - Tổng hợp	Tiếng Anh			TP. HCM	
893	129	Nguyễn Hà	Thanh		Nữ	Kinh	02/7/1996	Vĩnh Phúc	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh C	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
894	130	Trần Nguyễn Xuân	Thành	Nam		Kinh	25/12/1990	Quảng Nam	Đại học	Luật	Anh B	Cao đẳng		KSVTT	Tiếng Anh		x	TP. HCM	
895	131	Bùi Tiến	Thành	Nam		Kinh	28/11/1994	Ninh Bình	Đại học	Quản lý nhà nước	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	

STT	STT	Họ và tên đệm		Giới tính		Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học		
896	132	Nguyễn Công	Thành	Nam		Kinh	07/8/1990	Lâm Đồng	Đại học	Luật kinh doanh Tài chính ngân hàng	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
897	133	Bùi Văn	Thành	Nam		Kinh	20/8/1990	Quảng Ngãi	Đại học	Quản trị kinh doanh (TN tại nước ngoài)		Cam kết		KSVTT		x		TP. HCM	
898	134	Nguyễn Thị Lê	Thảo		Nữ	Kinh	06/6/1988	Hà Tĩnh	Thạc sĩ	Quản lý công	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
899	135	Lê Thị Thu	Thảo		Nữ	Kinh	21/01/1998	Vĩnh Long	Đại học	Luật	Toeic 515	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
900	136	Nguyễn Mạnh	Thiện	Nam		Kinh	27/6/1993	Hà Nội	Đại học	Hán ngữ (TN tại nước ngoài)	Anh B1	B		KSVTT		x		TP. HCM	
901	137	Ngô Minh	Thúy		Nữ	Kinh	21/6/1982	Hải Phòng	Đại học	Quản lý kinh doanh/ Tài chính kế toán	Anh kinh doanh	B		Chuyên viên Kế toán	Tiếng Anh			TP. HCM	
902	138	Huỳnh Văn	Tiên	Nam		Kinh	01/01/1992	Quảng Nam	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Anh Bậc 3	Đại học		KSVTT	Tiếng Anh		x	TP. HCM	
903	139	Nguyễn Thủy	Tiên		Nữ	Kinh	30/10/1998	Nam Định	Đại học	Luật	Toeic 650	Chuyên viên Microsoft Office		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
904	140	Phạm Đình	Tuấn	Nam		Kinh	20/10/1992	Bình Định	Đại học	Hành chính học	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
905	141	Nguyễn Văn	Tiếp	Nam		Kinh	25/4/1991	Hà Nam	Đại học	Sinh học	Anh B	Văn phòng B		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
906	142	Hoàng Ngọc	Trà	Nam		Kinh	26/01/1989	Thanh Hóa	Đại học	Sư phạm Vật lý	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
907	143	Đỗ Trần	Thanh	Nam		Kinh	17/4/1988	Tiền Giang	Đại học	Khoa học môi trường	Toeic 370	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
908	144	Nguyễn Thái Minh	Trang		Nữ	Kinh	16/9/1997	Đồng Tháp	Đại học	Quản lý nhà nước	Anh B	CNTT Nâng cao	Chuyên viên Văn thư - Lưu trữ	Tiếng Anh			TP. HCM		
909	145	Lê Thị	Trang		Nữ	Kinh	08/9/1993	Hà Tĩnh	Đại học	Kế toán	Anh C	A		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
910	146	Nguyễn Minh	Trí	Nam		Kinh	15/9/1991	TP.HCM	Đại học	Hành chính học	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
911	147	Nguyễn Phúc Hải	Triều	Nam		Kinh	01/01/1983	Nam Định	Thạc sĩ	Quản lý xây dựng	Anh B1	Trung cấp		KSVTT	Tiếng Anh		x	TP. HCM	
912	148	Nguyễn Hữu	Trọng	Nam		Kinh	12/6/1997	Long An	Đại học	Luật	Toeic 515	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
913	149	Ngô Thị Thanh	Trúc		Nữ	Kinh	06/9/1995	Bến Tre	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Toeic 520	A		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
914	150	Đào Xuân	Trung	Nam		Kinh	31/10/1996	Hưng Yên	Đại học	Luật hình sự	Toeic 675	B	Con TB	KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
915	151	Huỳnh Công	Trường	Nam		Kinh	26/11/1983	TP.HCM	Đại học	Luật	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
916	152	Lê Thanh	Tú	Nam		Kinh	25/10/1971	TP.HCM	Đại học	Luật học	Anh B	A	Hoàn thành NVQS	KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
917	153	Nguyễn Mạnh	Tùng	Nam		Kinh	28/4/1996	Thái Bình	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B2	Cam kết		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
918	154	Vũ Thanh	Tùng	Nam		Kinh	19/7/1987	Bắc Ninh	Đại học	Luật, Tài chính ngân hàng	Anh Bậc 2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
919	155	Nguyễn Việt	Tùng	Nam		Kinh	29/3/1995	Thanh Hóa	Đại học	Kế toán	Đại học	CNTTCB		KSVTT		x		TP. HCM	
920	156	Nguyễn Xuân	Tùng	Nam		Nùng	15/7/1997	Bắc Giang	Đại học	Quản trị nhân lực	Anh Bậc 3	CNTTCB	Người DT	KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
921	157	Nguyễn Thị Mai	Uyển		Nữ	Kinh	10/02/1992	Bắc Ninh	Đại học	Quản trị kinh doanh (ĐT bằng T.Anh)	Anh Bậc 4	CNTTCB	Con TB	KSVTT		x		TP. HCM	

STT	STT	Họ và tên đệm	Tên	Giới tính		Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học		
922	158	Cao Thanh	Vân		Nữ	Kinh	03/8/1985	Hung Yên	Đại học	Luật học	Anh B	B		Chuyên viên Văn thư - Lưu trữ	Tiếng Anh			TP. HCM	
923	159	Trần Thanh	Vân		Nữ	Kinh	25/10/1985	Tiền Giang	Thạc sĩ	Luật Kinh tế	Đại học	A		KSVTT		x		TP. HCM	
924	160	Nguyễn Hoàng	Việt	Nam		Kinh	07/02/1994	TP.HCM	Đại học	Tài chính ngân hàng	Anh C	A		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
925	161	Nguyễn Đức	Vinh	Nam		Kinh	16/01/1997	Nam Định	Đại học	Kinh tế	Anh A2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
926	162	Nguyễn Huy	Vũ	Nam		Kinh	08/11/1990	Hà Nội	Đại học	Kế toán	TOEFL ITP (A2)	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
927	163	Ngô Ngọc	Vũ	Nam		Kinh	14/11/1993	TP.HCM	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
928	164	An	Vương	Nam		Kinh	28/9/1987	Hà Nam	Đại học	Luật học	Anh B	B	Hoàn thành NVQS	KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
929	165	Phạm Thị Ngọc	Yến		Nữ	Kinh	10/02/1993	TP.HCM	Đại học	Kế toán	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
930	166	Hoàng Bạch	Yến		Nữ	Kinh	03/11/1985	Ninh Bình	Đại học	Luật; Kế toán	Anh B	Trung cấp		KSVTT	Tiếng Anh		x	TP. HCM	
931	167	Đào Thị Kim	Yến		Nữ	Kinh	02/11/1997	Phú Thọ	Đại học	Luật; QTKD	Toeic 655	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			TP. HCM	
		TRÀ VINH																	
932	1	Lâm Quốc	Cường	Nam		Kinh	09/4/1987	Trà Vinh	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Trà Vinh	
933	2	Phan Thị	Diễm		Nữ	Kinh	09/10/1986	Trà Vinh	Đại học	Luật	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Trà Vinh	
934	3	Võ Thị Thu	Hà		Nữ	Kinh	14/11/1990	TP. HCM	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Trà Vinh	
935	4	Thạch Thị	Liên		Nữ	Khmer	08/9/1995	Trà Vinh	Đại học	Luật	Anh B	Văn phòng	Người DT	KSVTT		x		Trà Vinh	
936	5	Lê Ngọc Ngân	Linh		Nữ	Kinh	21/9/1997	Trà Vinh	Đại học	Luật	Anh C	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Trà Vinh	
937	6	Võ Hoàng	Minh	Nam		Kinh	03/5/1991	Trà Vinh	Đại học	Luật	Anh B	B	HT nghĩa vụ quân sự	KSVTT	Tiếng Anh			Trà Vinh	
938	7	Huỳnh Khắc	Nghi	Nam		Kinh	30/01/1997	Bến Tre	Đại học	Luật	Anh B1	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Trà Vinh	
939	8	Bùi Thị Yến	Nhi		Nữ	Kinh	22/8/1995	Trà Vinh	Đại học	Luật	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Trà Vinh	
940	9	Nguyễn Thị Diễm	Nhi		Nữ	Kinh	18/6/1996	Trà Vinh	Đại học	Luật	Anh bậc 3	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Trà Vinh	
941	10	Nguyễn Thị Hà	Phương		Nữ	Kinh	12/02/1996	Bắc Ninh	Đại học	Luật	TOEIC 600	CV Microsoft Office		KSVTT	Tiếng Anh			Trà Vinh	
942	11	Lê Trung	Tinh	Nam		Kinh	18/8/1993	TP.HCM	Đại học	Kinh tế	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Trà Vinh	
943	12	Huỳnh Minh	Trí	Nam		Kinh	6/11/1993	Trà Vinh	Đại học	Luật	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Trà Vinh	
		TIỀN GIANG																	
944	1	Phan Đức	Anh	Nam		Kinh	04/09/1994	Tiền Giang	Đại học	Quản trị Kinh doanh	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Tiền Giang	
945	2	Nguyễn Hữu	Chí	Nam		Kinh	01/8/1991	Tiền Giang	Đại học	Luật Tư Pháp	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Tiền Giang	

STT	STT	Họ và tên đệm	Tên	Giới tính		Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học		
946	3	Huỳnh Đình	Đạt	Nam		Kinh	13/01/1986	Tiền Giang	Đại học	Luật	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Tiền Giang	
947	4	Đặng Văn	Đông	Nam		Kinh	07/9/1985	Tiền Giang	Đại học	Luật	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Tiền Giang	
948	5	Đình Hữu	Nghĩa	Nam		Kinh	13/10/1973	Bến Tre	Đại học	Luật	Anh Bậc 2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Tiền Giang	
949	6	Nguyễn Văn	Ngon	Nam		Kinh	08/6/1977	Tiền Giang	Đại học	Luật kinh tế	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Tiền Giang	
950	7	Hồ Viết	Phương	Nam		Kinh	24/4/1995	Nghệ An	Đại học	Kế toán	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Tiền Giang	
951	8	Trần Nguyễn Anh	Thư		Nữ	Kinh	19/6/1998	Tiền Giang	Đại học	Luật	TOEIC	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Tiền Giang	
952	9	Lê Thị	Trâm		Nữ	Kinh	27/9/1997	Trà Vinh	Đại học	Luật	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Tiền Giang	
953	10	Nguyễn Thị Thúy	Vy		Nữ	Kinh	01/10/1996	Tiền Giang	Đại học	Luật kinh tế	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Tiền Giang	
		VĨNH LONG																	
954	1	Phạm Quốc	Cường	Nam		Kinh	25/11/1990	Vĩnh Long	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Vĩnh Long	
955	2	Đỗ Thị	Dung		Nữ	Kinh	26/12/1988	Thanh Hóa	Kỹ sư	Công nghệ thực phẩm	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Vĩnh Long	
956	3	Trần Giang	Diễn	Nam		Kinh	15/5/1995	Vĩnh Long	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Vĩnh Long	
957	4	Võ Ngọc	Hân		Nữ	Kinh	19/08/1998	Vĩnh Long	Kỹ sư	Công nghệ thực phẩm	Anh A2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Vĩnh Long	
958	5	Nguyễn Thị Mỹ	Hiền		Nữ	Kinh	21/3/1996	Vĩnh Long	Kỹ sư	Công nghệ thực phẩm	Anh A2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Vĩnh Long	
959	6	Nguyễn Nhật	Hoàng	Nam		Kinh	28/8/1991	Vĩnh Long	Đại học	Luật	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Vĩnh Long	
960	7	Lê Thị Xuân	Hương		Nữ	Kinh	24/12/1997	Vĩnh Long	Đại học	Luật	Anh B	A		KSVTT	Tiếng Anh			Vĩnh Long	
961	8	Trần Thanh	Khiết	Nam		Kinh	27/8/1981	Vĩnh Long	Đại học	Luật	Anh B CC tiếng DT	CNTT Nâng cao		KSVTT		x		Vĩnh Long	
962	9	Nguyễn Thị Trà	My		Nữ	Kinh	17/05/1990	Vĩnh Long	Kỹ sư	Công nghệ thực phẩm	Anh B CC tiếng DT	CNTT Nâng cao		KSVTT		x		Vĩnh Long	
963	10	Lê Hồng	Ngọc		Nữ	Kinh	08/11/1996	Thanh Hóa	Đại học	Luật	Anh Bậc 4	CNTT Nâng cao		KSVTT	Tiếng Anh			Vĩnh Long	
964	11	Khuu Văn	Nhân	Nam		Kinh	09/12/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại học	Kinh tế	Anh B CC tiếng DT	Kỹ sư		KSVTT		x	x	Vĩnh Long	
965	12	Trần Thị Hồng	Nhung		Nữ	Kinh	26/3/1997	Vĩnh Long	Kỹ sư	Công nghệ thực phẩm	Anh A2	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Vĩnh Long	
966	13	Nguyễn Hồng	Nhung		Nữ	Kinh	01/8/1988	Vĩnh Long	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Vĩnh Long	
967	14	Lê Nguyễn Duy	Phương	Nam		Kinh	25/3/1995	Vĩnh Long	Đại học	Kế toán	Anh B	CNTT Nâng cao		Chuyên viên Kế toán - Tổng hợp	Tiếng Anh			Vĩnh Long	
968	15	Huỳnh Văn	Phương	Nam		Kinh	30/8/1987	Đồng Tháp	Kỹ sư	Công nghệ thực phẩm	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Vĩnh Long	
969	16	Nguyễn Ngọc	Tân	Nam		Kinh	17/7/1988	Vĩnh Long	Đại học	Luật	Anh B	Trung cấp		KSVTT	Tiếng Anh		x	Vĩnh Long	

STT	STT	Họ và tên đệm		Giới tính		Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
				Nam	Nữ											Ngoại ngữ	Tin học		
970	17	Hồ Thị Thu	Thảo		Nữ	Kinh	12/12/1986	Vĩnh Long	Thạc sỹ	Công nghệ thực phẩm	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Vĩnh Long	
971	18	Nguyễn Huỳnh Phương	Thảo		Nữ	Kinh	29/9/1997	Vĩnh Long	Đại học	Luật Kinh tế	Anh B	CNTTCB		KSVTT	Tiếng Anh			Vĩnh Long	
972	19	Nguyễn Minh	Thiện	Nam		Kinh	21/7/1991	Vĩnh Long	Thạc sĩ	Vĩ sinh vật học	TOEIC	A		KSVTT	Tiếng Anh			Vĩnh Long	
973	20	Huỳnh Anh	Thơ		Nữ	Kinh	16/09/1992	Vĩnh Long	Kỹ sư	Công nghệ thực phẩm	Anh B	B		KSVTT	Tiếng Anh			Vĩnh Long	
974	21	Nguyễn Minh	Thuận	Nam		Kinh	25/9/1990	Vĩnh Long	Đại học	Luật	Anh C	CNTTCB	HT nghĩa vụ CAND	KSVTT	Tiếng Anh			Vĩnh Long	
975	22	Nguyễn Thị Kiều	Tiên		Nữ	Kinh	23/10/1986	Vĩnh Long	Thạc sỹ	Công nghệ thực phẩm	Anh B1	B		KSVTT	Tiếng Anh			Vĩnh Long	
976	23	Bùi Thị	Trang		Nữ	Kinh	28/12/1990	Thái Bình	Đại học	Kế toán	Anh B	Văn phòng B		Chuyên viên Kế toán - Tổng hợp	Tiếng Anh			Vĩnh Long	
977	24	Nguyễn Thị Diễm	Trình		Nữ	Kinh	24/6/1998	Vĩnh Long	Đại học	Kế toán	Anh B	CNTTCB		Chuyên viên Kế toán - Tổng hợp	Tiếng Anh			Vĩnh Long	
978	25	Nguyễn Ngọc	Vân		Nữ	Kinh	10/7/1990	Vĩnh Long	Đại học	Kế toán	Anh B	B		Chuyên viên Kế toán - Tổng hợp	Tiếng Anh			Vĩnh Long	
979	26	Phạm Thị Cẩm	Viện		Nữ	Kinh	12/01/1992	Kiên Giang	Kỹ sư	Công nghệ thực phẩm	Anh C	B		KSVTT	Tiếng Anh			Vĩnh Long	
980	27	Lê Thanh	Xuân		Nữ	Kinh	03/11/1990	Vĩnh Long	Đại học	Kế toán	Anh C CC tiếng DT	B		Chuyên viên Kế toán - Tổng hợp		x		Vĩnh Long	
981	28	Nguyễn Hải	Xuân	Nam		Kinh	28/8/1991	Vĩnh Long	Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B CC tiếng DT	CNTTCB		KSVTT		x		Vĩnh Long	

chưa lệ phí

